



UBND QUẬN LONG BIÊN

TRƯỜNG THCS THANH AM



ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HKII KHỐI 6

Họ và tên:.....

Lớp:

Năm học 2024-2025

Thứ	Thời gian	Buổi	Tiết	Môn	Lớp	GV coi thi
Năm	17/4/2025	Sáng	2	Công nghệ	6,7,8	Theo TKB
			4	GDDP	6,7,8	Theo TKB
Sáu	18/4/2025	Sáng	3-4	LS&DL	6,7,8	Theo TKB
Hai	21/4/2025	Sáng	4	GDCD	6,7,8	Theo TKB
Ba	22/4/2025	Sáng	3-4	KHTN	6,7,8	Theo TKB
Tư	23/4/2025	Sáng	2	HĐTNHN	6,7,8	Theo TKB
			4	Tin	6,7,8	Theo TKB
Năm	24/4/2025	Sáng	3-4	Ngữ văn	6,7,8	Theo phân công
Sáu	25/4/2025	Sáng	3-4	Toán	6,7,8	Theo phân công
Hai	28/4/2025	Sáng	3-4	Tiếng Anh	6,7,8	Theo phân công

MÔN: LỊCH SỬ & ĐỊA LÝ 6

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

Bài 14: Nhà nước Văn Lang Âu Lạc

Bài 15: Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của xã hội Âu Lạc.

Bài 16: Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu giành độc lập trước thế kỉ X.

Bài 17: Cuộc đấu tranh bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc của người Việt

B. PHẦN ĐỊA LÝ

Bài 15: Lớp vỏ khí của Trái Đất. Khí áp và gió.

Bài 16: Nhiệt độ không khí. Mây và mưa.

Bài 17: Thời tiết và khí hậu. Biến đổi khí hậu.

Bài 20: Sông và hồ. Nước ngầm và băng hà.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

- Trắc nghiệm: 70%

- Tự luận: 30%

III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

A. PHẦN LỊCH SỬ

Câu 1: Trình bày đặc điểm bộ máy tổ chức của nhà nước Văn Lang. Em có nhận xét gì về cách thức tổ chức nhà nước trong thời kì cai trị của các vua Hùng?

Câu 2: Trình bày những chuyển biến về kinh tế xã hội trong thời kì Bắc thuộc.

Câu 3: Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa chống Bắc thuộc với các nội dung: Tên cuộc khởi nghĩa, thời gian diễn ra, kết quả, ý nghĩa.

Câu 4: Nêu biểu hiện của sức sống của nền văn hoá bản địa (người Việt) thời Bắc thuộc. Liệt kê một số nét văn hóa của người Việt được duy trì trong thời kì này.

B. PHẦN ĐỊA LÝ

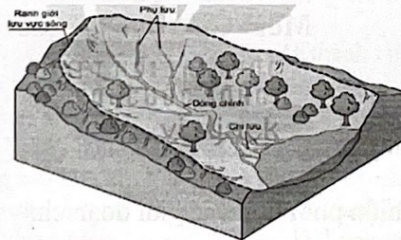
Câu 1: Phân tích vai trò của oxi, hơi nước và khí carbonic đối với tự nhiên và đời sống?

Câu 2: Nêu các đặc điểm chính của tầng đối lưu, bình lưu?

Câu 3: Trình bày quá trình hình thành mây và mưa?

Câu 4: Nêu một số biện pháp ứng phó với biến đổi khí hậu?

Câu 5: Quan sát hình 1, em hãy mô tả các bộ phận của một dòng sông lớn.



Hình 1. Mô hình hệ thống sông

Hết

Môn: Nghệ thuật 6

I. Nội dung Âm nhạc.

1. Ôn tập bài hát:

- Bài hát Ước mơ xanh
- Bài hát Đi cắt lúa

(Yêu cầu: Hát đúng lời ca, giai điệu, thể hiện đúng tính chất của bài hát.)

2. Ôn tập bài đọc nhạc.

- Bài đọc nhạc số 7.
- Bài đọc nhạc số 8.

(Yêu cầu :Đọc đúng cao độ, trường độ, ghép đúng lời ca, biết gõ đệm theo âm hình tiết tấu.)

3. Ôn tập nhạc cụ: Các mẫu tiết tấu bằng nhạc cụ gõ.

(Yêu cầu thể hiện đúng mẫu tiết tấu, biết ứng dụng cho bài hát, biết vận dụng bộ gõ cơ thể vào bài hát và đọc nhạc.)

II. Nội dung Mỹ thuật.

- Chủ đề lễ hội.
- Ai cập trong mắt em

(Yêu cầu biết cách phân tích vẻ đẹp của một bức tranh và biết được cách diễn tả không gian, vẻ đẹp trong tranh, thực hành giấy khổ A4)

Môn: Giáo dục thể chất 6

I. Nội dung ôn tập.

- Chủ đề: Chạy cự li trung bình

II. Yêu cầu.

- Học sinh biết cách thực hiện phối hợp các giai đoạn chạy cự li trung bình và hoàn thành cự li: (Nam: 200 - 350m; Nữ: 200 - 300m)

A. NỘI DUNG ÔN TẬP

* Chủ đề: Em với gia đình:

- Động viên, chăm sóc người thân trong gia đình
- Giải quyết một số vấn đề nảy sinh trong gia đình
- Em làm việc nhà

* Chủ đề: Em với cộng đồng:

- Thiết lập quan hệ với cộng đồng
- Em tham gia hoạt động thiện nguyện
- Hành vi có văn hóa nơi công cộng
- Truyền thống quê em

* Em với thiên nhiên và môi trường:

- Khám phá cảnh quan thiên nhiên, môi trường.
- Ứng phó với biến đổi khí hậu
- Tuyên truyền bảo vệ động vật quý hiếm và giảm thiểu biến đổi khí hậu

* Khám phá thế giới nghề nghiệp:

- Tìm hiểu thế giới nghề nghiệp.

B. CẤU TRÚC ĐỀ THI:

- 100% trắc nghiệm

C. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1. Những lời động viên, an ủi của người thân trong gia đình có ý nghĩa như thế nào?

- A. Làm mất thời gian của mọi người
- B. Làm tinh thần thoải mái hơn
- C. Làm mọi chuyện phức tạp hơn
- D. Không có ý nghĩa gì

Câu 2. Chiều nay, khi Lan đang ngồi học thì thấy mẹ đi làm về với dáng vẻ khá mệt mỏi. Lan nên làm gì trong trường hợp này?

- A. Tiếp tục tập trung ngồi làm cho xong các bài tập
- B. Rót nước mời mẹ và hỏi xem mẹ mệt thế nào
- C. Nhờ mẹ nấu cơm giúp để mình ngồi học
- D. Xin mẹ tiền để mua món quà tặng sinh nhật bạn

Câu 3. Động viên, chăm sóc người thân trong gia đình là nhiệm vụ của ai?

- A. Ông bà
- B. Bố mẹ
- C. Anh chị lớn
- D. Tất cả các thành viên

Câu 4. Dòng nào dưới đây là mâu thuẫn thường nảy sinh trong các gia đình hiện đại?

- A. Mọi người trong gia đình không hiểu nhau
- B. Con cháu ngoan ngoãn, hiếu thảo với ông bà
- C. Các thành viên cùng trò chuyện sau bữa cơm tối
- D. Anh chị em yêu thương và giúp đỡ lẫn nhau

Câu 5. Việc nào dưới đây không nên làm khi giải quyết vấn đề nảy sinh trong gia đình?

- A. Bố mẹ cần áp đặt định hướng cho con cái
- B. Cùng bàn bạc và tìm cách giải quyết vấn đề
- C. Tô thái độ chân thành và tiếp thu ý kiến
- D. Lắng nghe các ý kiến để thấu hiểu vấn đề

Câu 6. Hành động nào dưới đây thể hiện sự thiếu văn minh ở nơi công cộng?

- A. Chen lấn, không xếp hàng khi mua vé
- B. Vứt rác đúng nơi quy định
- C. Nhường chỗ cho người già trên xe bus
- D. Tuân thủ luật giao thông

Câu 7. Hoạt động nào dưới đây không phải là hoạt động cộng đồng?

- A. Chiến dịch Mùa hè xanh của thanh niên
- B. Phong trào ủng hộ Tết vì người nghèo
- C. Phong trào mua tấm ủng hộ người mù
- D. Chuyến du lịch hè của gia đình em

Câu 8. Hiện tượng nào sau đây là biểu hiện của biến đổi khí hậu?

- A. Thời tiết thay đổi theo mùa
- B. Xuất hiện băng tuyết ở vùng núi cao
- C. Mưa bão và hạn hán ngày càng khắc nghiệt
- D. Gió thổi mạnh vào mùa đông

Câu 9. Hiện tượng nào sau đây không phải là hậu quả của biến đổi khí hậu?

- A. Nước biển dâng cao
- B. Sự gia tăng thiên tai như bão, lũ
- C. Không khí trong lành hơn
- D. Nhiệt độ Trái Đất tăng lên

Câu 10. Rừng có vai trò quan trọng nhất đối với môi trường vì:

- A. Cung cấp gỗ để làm đồ nội thất
- B. Tạo bóng mát cho con người
- C. Giúp cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ đất
- D. Là nơi sinh sống của con người

Câu 11. Hành động nào sau đây giúp bảo vệ cảnh quan thiên nhiên?

A. Vứt rác bừa bãi khi đi du lịch

C. Giữ gìn vệ sinh nơi công cộng

B. Chặt cây rừng để lấy gỗ

D. Săn bắt động vật hoang dã

Câu 12. Tác nhân chính gây ra ô nhiễm không khí ở đô thị là gì?

A. Khói bụi từ phương tiện giao thông và nhà máy

B. Sự bốc hơi của nước biển

C. Gió mùa Đông Bắc

D. Các hoạt động thể thao ngoài trời

Câu 13. Loại rác thải nào dưới đây có thể phân hủy nhanh trong môi trường tự nhiên?

A. Vỏ chuối, lá cây

B. Túi ni lông

C. Pin đã qua sử dụng

D. Vỏ chai nhựa

Câu 14. Đầu là nguyên nhân chủ yếu gây ra sự tuyệt chủng của nhiều loài động vật hoang dã?

A. Con người săn bắn quá mức và phá hủy môi trường

B. Sự di cư của các loài động vật

C. Khí hậu ôn hòa hơn

D. Lượng mưa tăng lên

Câu 15. Nguyên nhân chính gây ra hiện tượng **hiệu ứng nhà kính** là gì?

A. Sử dụng nhiều xe đạp

B. Thải nhiều khí CO₂ từ hoạt động công nghiệp

C. Tăng diện tích rừng xanh

D. Giảm lượng rác thải nhựa

Câu 16. Hiện tượng "hiệu ứng nhà kính" làm cho Trái Đất nóng lên chủ yếu do khí nào?

A. O₂ (Oxi)

B. CO₂ (Carbonic)

C. N₂ (Nitơ)

D. H₂ (Hidro)

Câu 17. Hành động nào sau đây **không** giúp giảm thiểu tác động của biến đổi khí hậu?

A. Trồng nhiều cây xanh

B. Tiết kiệm điện, nước

C. Sử dụng quá nhiều túi ni lông

D. Tái chế rác thải nhựa

Câu 18. Đầu là hậu quả **không** phải do nạn phá rừng gây ra?

A. Xói mòn đất

B. Mất nơi sống của động vật hoang dã

C. Cung cấp thêm không khí trong lành

D. Tăng nguy cơ lũ lụt

Câu 19. Khi thấy một nhóm bạn xả rác bừa bãi trong công viên, em nên làm gì?

A. Phớt lờ vì không liên quan đến mình

B. Nhắc nhở bạn bỏ rác đúng nơi quy định

C. Cùng xả rác theo để đỡ mất công dọn dẹp

D. Báo cáo với thầy cô mà không cần làm gì thêm

Câu 20. Vì sao việc sử dụng túi ni lông lại gây hại cho môi trường?

A. Chúng phân hủy nhanh trong đất

B. Chúng làm tăng diện tích rừng

C. Chúng khó phân hủy và gây ô nhiễm môi trường

D. Chúng giúp bảo vệ môi trường

Câu 21. Một người dân ở miền núi **đốt nương làm rẫy**, hành động này có tác động tiêu cực nào đến môi trường?

A. Góp phần bảo vệ môi trường

B. Làm tăng diện tích rừng xanh

C. Gây ô nhiễm không khí và mất rừng

D. Giúp cải thiện chất lượng đất

Câu 22. Loại năng lượng nào dưới đây **không** gây ô nhiễm môi trường?

A. Năng lượng gió

B. Nhiên liệu hóa thạch

C. Năng lượng từ than đá

D. Nhiên liệu từ dầu mỏ

Câu 23. Nếu trường tổ chức hoạt động bảo vệ môi trường, em sẽ chọn hành động nào?

A. Tham gia nhặt rác và trồng cây xanh

B. Ở nhà vì không thích hoạt động ngoài trời

C. Đề nghị các bạn vứt rác bừa bãi để có việc làm

D. Xả rác nhiều để tạo công việc cho người dọn vệ sinh

Câu 24. Em có thể tuyên truyền bảo vệ môi trường bằng cách nào?

A. Viết bài tuyên truyền trên báo tường hoặc mạng xã hội

B. Giữ im lặng vì việc này là của người lớn

C. Khuyến khích bạn bè vứt rác bừa bãi để có việc làm

D. Chỉ quan tâm đến việc học, không để ý môi trường

Câu 25. Biện pháp nào sau đây giúp tiết kiệm năng lượng nhất?

A. Sử dụng bóng đèn LED thay vì đèn sợi đốt

B. Mở tủ lạnh liên tục để làm mát phòng

C. Để máy tính chạy suốt ngày đêm

D. Giặt quần áo từng chiếc một bằng máy giặt

Câu 26. Hành động nào sau đây giúp bảo vệ động vật quý hiếm?

A. Mua sản phẩm từ ngà voi, sừng tê giác

B. Thả động vật hoang dã về rừng

C. Nuôi động vật hoang dã tại nhà làm thú cưng

D. Ăn thịt động vật quý hiếm vì bổ dưỡng

Câu 27. Một trong những cách tốt nhất để bảo vệ nguồn nước sạch là gì?

A. Đổ rác thải xuống sông hồ

B. Giảm thiểu sử dụng hóa chất độc hại

C. Xây thêm nhà máy sản xuất hóa chất

D. Không quan tâm đến vấn đề ô nhiễm nước

Câu 28. Điều gì sẽ xảy ra nếu lớp băng ở hai cực tan chảy hoàn toàn?

A. Nước biển dâng cao, nhấn chìm nhiều khu vực ven biển

B. Xuất hiện nhiều sông băng hơn

C. Khí hậu trở nên lạnh hơn

D. Không có gì thay đổi

Câu 29. Hành động nào giúp bảo vệ đa dạng sinh học?

A. Nuôi động vật hoang dã làm thú cưng

B. Trồng rừng và bảo vệ khu bảo tồn thiên nhiên

C. Săn bắt động vật quý hiếm

D. Buôn bán động vật hoang dã

Câu 30. Khi thấy bạn bè xả rác bừa bãi, em sẽ làm gì?

A. Không quan tâm

B. Nhắc nhở bạn bỏ rác đúng nơi quy định

C. Làm theo bạn

D. Cười và bỏ qua

Câu 31. Để tiết kiệm nước, em nên làm gì?

A. Rửa tay dưới vòi nước chảy liên tục

B. Dùng nước mưa để tưới cây

C. Xả nước nhiều lần khi rửa bát

D. Để vòi nước chảy khi không sử dụng

Câu 32. Biện pháp nào giúp giảm khí CO₂ trong khí quyển?

A. Trồng nhiều cây xanh

B. Đốt nhiều than để tạo nhiệt

C. Tăng số lượng nhà máy sản xuất xi măng

D. Sử dụng nhiên liệu hóa thạch nhiều hơn

Câu 33. Nam đang xem dự báo thời tiết trên tivi và thấy thông tin "Nhiệt độ trung bình tăng cao bất thường, bão lũ xảy ra nhiều hơn so với trước đây". Đây là biểu hiện của hiện tượng nào?

A. Thời tiết thay đổi theo mùa

B. Xuất hiện băng tuyết ở vùng núi cao

C. Mưa bão và hạn hán ngày càng khắc nghiệt

D. Gió thổi mạnh vào mùa đông

Câu 34. Lan cùng gia đình đi dã ngoại tại một khu rừng nguyên sinh. Khi đi bộ vào rừng, Lan nhận thấy có rất nhiều cây to và tán cây rậm rạp. Cô bé thắc mắc tại sao rừng lại quan trọng đối với môi trường?

A. Cung cấp gỗ để làm đồ nội thất

B. Tạo bóng mát cho con người

C. Giúp cân bằng hệ sinh thái và bảo vệ đất

D. Là nơi sinh sống của con người

Câu 35. Trong chuyến tham quan nhà máy sản xuất thép, Mai thấy có rất nhiều khói đen bốc lên từ các ống khói. Điều này có thể gây ra vấn đề môi trường nào?

A. Ô nhiễm không khí

B. Giảm nhiệt độ trái đất

C. Giúp cây xanh phát triển nhanh hơn

D. Làm bầu trời trong xanh hơn

Câu 36. Tại một khu chợ địa phương, Minh thấy có người bán nhiều động vật hoang dã như rắn, rùa, chim quý hiếm. Việc này có thể gây hậu quả gì đối với môi trường?

A. Làm tăng đa dạng sinh học

B. Góp phần bảo vệ thiên nhiên

C. Gây nguy cơ tuyệt chủng cho loài động vật đó

D. Không ảnh hưởng đến thiên nhiên

Câu 37. Trong giờ học, cô giáo hỏi cả lớp: "Khí nào là nguyên nhân chính gây ra hiệu ứng nhà kính làm Trái Đất nóng lên?" Bạn sẽ trả lời thế nào?

A. O₂ (Oxi)

B. CO₂ (Cacbonic)

C. N₂ (Nitơ)

D. H₂ (Hidro)

Câu 38. Một nhóm học sinh đi dã ngoại và vô tình nhìn thấy một khu rừng bị chặt phá. Điều gì có thể **không** phải là hậu quả của việc phá rừng?

A. Xói mòn đất

B. Mất nơi sống của động vật hoang dã

C. Cung cấp thêm không khí trong lành

D. Tăng nguy cơ lũ lụt

Câu 39. Trong một lần đi siêu thị, Minh thấy một khách hàng sử dụng rất nhiều túi ni lông để đựng hàng. Minh biết rằng túi ni lông có hại cho môi trường vì:

A. Chúng phân hủy nhanh trong đất

B. Chúng làm tăng diện tích rừng

C. Chúng khó phân hủy và gây ô nhiễm môi trường

D. Chúng giúp bảo vệ môi trường

Câu 40. Gia đình Bình đang lắp đặt hệ thống năng lượng để tiết kiệm điện. Loại năng lượng nào dưới đây **không** gây ô nhiễm môi trường mà Bình nên chọn?

A. Năng lượng gió

B. Nhiên liệu hóa thạch

C. Năng lượng từ than đá

D. Nhiên liệu từ dầu mỏ

Câu 41. Trong một dự án bảo vệ môi trường ở trường học, cô giáo giao nhiệm vụ tìm giải pháp tiết kiệm năng lượng. Hành động nào là tốt nhất?

A. Sử dụng bóng đèn LED thay vì đèn sợi đốt

B. Mở tủ lạnh liên tục để làm mát phòng

C. Để máy tính chạy suốt ngày đêm

D. Giặt quần áo từng chiếc một bằng máy giặt

Câu 42. Trong buổi tham quan ngày hội nghề nghiệp, An thấy có gian hàng giới thiệu về các nghề như bác sĩ, y tá, dược sĩ. Các nghề này thuộc nhóm nghề nào?

A. Nghề kỹ thuật

B. Nghề y tế

C. Nghề kinh doanh

D. Nghề giáo dục

Câu 43. Bố của Nam là kỹ sư xây dựng, hàng ngày bố thường giám sát các công trình. Theo bạn, ngành nghề của bố Nam thuộc lĩnh vực nào?

A. Nông nghiệp

B. Xây dựng

C. Dịch vụ

D. Y tế

Câu 44. Hải rất yêu thích cây cối và muốn trở thành một chuyên gia nghiên cứu về cây trồng. Nghề nào sau đây phù hợp nhất với bạn ấy?

A. Kỹ sư nông nghiệp

B. Bác sĩ

C. Kế toán

D. Luật sư

Câu 45. Bố mẹ Lan làm nghề buôn bán. Nghề này thuộc nhóm nào?

A. Nghề sản xuất

B. Nghề kinh doanh

C. Nghề khoa học

D. Nghề kỹ thuật

Câu 46. Một bạn học sinh đam mê công nghệ, thích sáng tạo phần mềm. Nghề nghiệp phù hợp với bạn ấy là:

- A. Nhà thiết kế thời trang B. Lập trình viên C. Nông dân D. Giáo viên

Câu 47. Cô giáo hỏi: "Một người làm nghề bác sĩ cần có phẩm chất quan trọng nhất là gì?"

- A. Sự cẩn thận và lòng nhân ái B. Khả năng tính toán nhanh
C. Sự sáng tạo trong nghệ thuật D. Kỹ năng lãnh đạo

Câu 48. Nhóm học sinh tổ chức một hội chợ hướng nghiệp tại trường. Theo bạn, nhóm nên làm gì để thu hút học sinh tham gia?

- A. Mời các chuyên gia đến chia sẻ về nghề nghiệp B. Bố trí các gian hàng nhưng không cần người tư vấn
C. Chỉ phát tài liệu mà không cần hoạt động thực tế D. Chỉ giới thiệu một số nghề nhất định

Câu 49. Mai rất giỏi giao tiếp và có đam mê với lĩnh vực kinh doanh. Tuy nhiên, gia đình lại muốn em trở thành bác sĩ. Em nên làm gì?

- A. Nghe theo gia đình mà không suy nghĩ B. Cố gắng tìm hiểu để tự đưa ra lựa chọn phù hợp với bản thân
C. Bỏ qua ý kiến của gia đình D. Chọn nghề ngẫu nhiên

Câu 50. Trường tổ chức cuộc thi về "Giới thiệu nghề nghiệp yêu thích", em sẽ làm gì để thể hiện bài thi tốt nhất?

- A. Chuẩn bị nội dung kỹ lưỡng, thuyết trình rõ ràng
B. Chép nội dung từ Internet mà không cần tìm hiểu
C. Nói ngẫu hứng không cần chuẩn bị
D. Đề bạn khác làm hộ

MÔN: GD CD KHỐI 6

A. Phạm vi ôn tập

I. Nội dung kiến thức:

- Ứng phó với tình huống nguy hiểm.
- Tiết kiệm.
- Công dân nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- Quyền cơ bản của trẻ em.
- Thực hiện quyền trẻ em.

II. Các dạng câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan.
- Câu hỏi tự luận.
- Bài tập giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Tìm và giải thích được một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, danh ngôn liên quan đến chủ đề.
- Liên hệ bản thân.

B. Cấu trúc đề kiểm tra

I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn: gồm 20 câu hỏi mỗi câu 0.25 điểm

II. Trắc nghiệm chọn câu trả lời đúng sai: gồm 2 câu mỗi câu 1.0 điểm

III. Tự luận: gồm 1 câu hỏi và bài tập tự luận 3.0 điểm

C. Một số câu hỏi tham khảo

I. Câu hỏi trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Câu 1: Để tiết kiệm thời gian, vào những lúc rảnh rỗi em sẽ làm gì?

- A. Rủ bạn bè tụ tập nơi quán xá để ăn uống.
- B. Chơi rất nhiều thể loại game.
- C. Lên Facebook nói chuyện phiếm với mọi người.
- D. Học bài, đọc sách, giúp bố mẹ việc nhà.

Câu 2: Sống tiết kiệm sẽ mang lại điều gì cho bản thân:

- A. Không có động lực để chăm chỉ để làm việc nữa.
- B. Biết quý trọng công sức của bản thân và người khác.
- C. Dễ trở thành ích kỉ, bủn xỉn và bạn bè xa lánh.
- D. Không được thỏa mãn hết nhu cầu vật chất và tinh thần.

Câu 3: Câu tục ngữ: “ Kiến tha lâu đầy tổ.” nói về nội dung phẩm chất đạo đức nào sau đây?

- A. Tiết kiệm. B. Bủn xỉn. C. Hà tiện. D. Keo kiệt.

Câu 4: Để tự bảo vệ bản thân được an toàn tránh tình huống bất cớ xảy ra chúng ta nên làm gì?

- A. Luôn cảnh giác và không tiếp xúc với người lạ. C. Gặp bất cứ ai cũng hốt hoảng, sợ hãi
- B. Không có thói quen đi đâu xin phép bố mẹ. D. Đi một mình nơi vắng người.

Câu 5: Mưa dông, lốc sét làm chập, cháy các thiết bị điện trong nhà của T. Vậy tình huống nguy hiểm đó là tình huống nguy hiểm từ đâu?

- A. Con người. B. Ô nhiễm. C. Xã hội. D. Tự nhiên.

Câu 6: Khi đang ở trong nhà cao tầng phát hiện có cháy nổ, hỏa hoạn chúng ta sẽ làm gì?

- A. Chạy lên tầng cao hơn nơi chưa cháy.
- B. Chạy xuống bằng cầu thang bộ theo chỉ dẫn thoát nạn.
- C. Ở trong phòng đóng kín các cửa lại để khói khói vào.

D. Thoát hiểm bằng cầu thang máy cho nhanh.

Câu 7: Hành động nào dưới đây biểu hiện sự chưa tiết kiệm?

A. Sắp xếp thời gian làm việc khoa học.

B. Bảo vệ của công.

C. Bật điều hòa khi không có ai.

D. Chi tiêu hợp lí.

Câu 8: Tình huống nào dưới đây không gây nguy hiểm đến con người?

A. Khi gặp trời mưa to kèm dông sét, Thảo trú mưa rồi mới về.

B. Bạn T lợi qua suối để về nhà trong lúc trời mưa to.

C. Khu chung cư nhà bạn Bảo đang xảy ra hỏa hoạn lớn.

D. Các bạn đang tụ tập tắm ở khu vực bãi biển cấm.

Câu 9: Những sự việc bất ngờ xảy ra, có nguy cơ đe dọa nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng, gây thiệt hại về tài sản, môi trường cho bản thân, gia đình và cộng đồng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Nguy hiểm từ xã hội.

B. Tình huống nguy hiểm.

C. Ô nhiễm môi trường.

D. Nguy hiểm tự nhiên.

Câu 10: Công dân nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là người có quốc tịch

A. Nhiều nước.

B. Nước ngoài.

C. Quốc tế.

D. Việt Nam.

Câu 11: Quốc tịch là gì?

A. Căn cứ xác định công dân của một nước.

B. Căn cứ xác định công dân của nhiều nước.

C. Căn cứ xác định công dân của nước ngoài.

D. Căn cứ để xác định công dân đóng thuế.

Câu 12: L là con của ông J (người Đức) và cô M (người Việt Nam). Khi sinh L, ông J và cô M đã có thỏa thuận bằng văn bản để L mang quốc tịch Việt Nam. Trong trường hợp trên, những nhân vật nào là công dân Việt Nam?

A. Ông J và cô M.

B. Cô M và L.

C. Ông J và L.

D. Cả ba nhân vật.

Câu 13: Người dân trong bức ảnh dưới đây đang thực hiện quyền cơ bản nào?



A. Quyền bầu cử, ứng cử vào các cơ quan quyền lực của nhà nước.

B. Quyền được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm.

C. Quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật.

D. Quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở...

Câu 14: Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về quyền trẻ em và căn cứ Luật Trẻ em năm 2016. Theo đó, quyền cơ bản của trẻ em được chia làm mấy nhóm cơ bản?

A. Ba nhóm cơ bản.

B. Bốn nhóm cơ bản.

C. Sáu nhóm cơ bản.

D. Mười nhóm cơ bản.

Câu 15: Quyền cơ bản của trẻ em bao gồm các nhóm quyền nào?

A. Nhóm quyền: sống còn, bảo vệ, phát triển và tham gia.

B. Nhóm quyền: sống còn, học tập, phát triển và vui chơi.

C. Nhóm quyền: sống còn, bảo vệ, vui chơi và phát triển.

D. Nhóm quyền: sống còn, vui chơi, giải trí và phát triển.

Câu 16: Việc làm nào sau đây là việc làm thực hiện quyền trẻ em?

- A. Tổ chức trại hè cho trẻ em. B. Lợi dụng trẻ em để buôn bán ma túy.
C. Bắt trẻ em làm việc nặng quá sức. D. Cha mẹ li hôn, không ai chăm sóc con cái.
Câu 17: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của học sinh chúng ta khi thực hiện quyền trẻ em?

- A. Tích cực thực hiện các quyền trẻ em để phát triển bản thân.
B. Đảm bảo môi trường học tập an toàn cho học sinh.
C. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em.
D. Chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục trẻ em.

Câu 18: Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của gia đình khi thực hiện quyền trẻ em?

- A. Thực hiện các chính sách về quyền trẻ em.
B. Đảm bảo môi trường học tập an toàn cho học sinh.
C. Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quyền trẻ em.
D. Quản lý và bảo vệ trẻ khỏi nguy cơ bị xâm hại.

Câu 19: Việc làm nào dưới đây, thực hiện đúng quyền trẻ em?

- A. Bảo vệ trẻ em khỏi hành vi xâm hại. C. Bắt trẻ em nghỉ học để làm việc kiếm tiền.
B. Cha mẹ li hôn, không ai chăm sóc con cái. D. Nghiêm cấm trẻ em phát biểu trong cuộc họp.

Câu 20: Việc làm nào dưới đây, vi phạm quyền trẻ em?

- A. Bố bạn P không cho P đi học, vì bạn bị khuyết tật từ nhỏ.
B. Mẹ bạn N cho N tham gia lớp múa mà bạn thích.
C. Bố mẹ M làm việc vất vả để có tiền nuôi bạn ăn học.
D. Thấy M mồ côi, chú X nhận M làm con nuôi.

II. Trắc nghiệm chọn câu trả lời đúng/sai

Đọc tình huống sau và trả lời đúng hoặc sai với mỗi phương án.

Câu 21: M là học sinh ngoan có học lực giỏi và hăng hái tham gia các hoạt động của trường. Do hoàn cảnh gia đình khó khăn bố mẹ bắt M phải nghỉ học để đi làm thuê lấy tiền để nuôi 2 em nhỏ ở nhà. M đã kiên quyết từ chối và cho rằng bố mẹ đang vi phạm về quyền của trẻ em.

- A. M là con của bố mẹ nên bố mẹ có quyền quyết định về mọi việc của M
B. Hành vi của bố mẹ M vi phạm về nhóm quyền phát triển
C. M chấp nhận nghỉ học và đi làm thêm dù không muốn
D. M nói rõ với bố mẹ về việc muốn đi học và các nhóm quyền trẻ em được hưởng.

Câu 22: Trên đường đi học về có một người đàn ông lạ mặt bám theo H từ trường đến khu đường vắng. H thấy lo sợ và đạp xe thật nhanh, đến khu đông người. Có nhóm người đang chơi cờ H tấp vào đó nói thật to để mọi người giúp đỡ mình.

- A. H đến nơi đông người để người đàn ông lạ không có cơ hội làm điều xấu.
B. H không cần bận tâm không cần đến nơi đông người vì họ chưa làm gì.
C. H nên dừng lại nói chuyện và hỏi rõ sao người đàn ông bám theo mình.
D. H chia sẻ câu chuyện của mình cho bạn bè để mọi người cùng phòng tránh.

III. Tự luận

Câu 23: Dựa vào nội dung đã học em hãy cho biết học sinh cần làm gì để thực hiện quyền trẻ em?

Đọc tình huống sau: Lên lớp 6, K đòi bố mẹ mua xe máy điện cho mình để đi học. Bố K không đồng ý vì K chưa đủ tuổi sử dụng xe máy điện. K nghĩ bố không thương mình nên giận dỗi nhịn ăn.

Hỏi: Em hãy nhận xét hành vi của K? Nếu em là K em sẽ làm gì?

MÔN: NGỮ VĂN 6

A. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM

I. Phần văn bản

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ KIẾN THỨC, KỸ NĂNG:

- Nắm được đặc trưng của VB Truyện ngắn.
- Chỉ ra được đặc sắc về nội dung, nghệ thuật của các văn bản.
- Cảm nhận và nêu được bài học, thông điệp, tình cảm của tác giả qua các văn bản.

2. TRI THỨC NGỮ VĂN

Bài 9: Truyện (Truyện ngắn)

- Nhận biết được một số yếu tố hình thức (đặc điểm, nhân vật, lời người kể chuyện và lời nhân vật,...), nội dung (đề tài, chủ đề, ý nghĩa,...) của các truyện ngắn.

II. Phần tiếng Việt

- Từ Hán Việt.
- Trạng ngữ.
- Công dụng của dấu ngoặc kép.

III. Phần tập làm văn.

Nêu ý kiến của em về hiện tượng:

Đề 1: Hiện tượng bắt nạt.

Đề 2: Mặc đồng phục khi đến trường.

B. MỘT SỐ DẠNG BÀI TẬP TỰ LUYỆN

DẠNG 1: CÁC ĐỀ ĐỌC HIỂU VỀ VĂN BẢN VÀ THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

ĐỀ 1

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện trả lời các câu hỏi:

NGƯỜI BẠN MỚI

Buổi học hôm nay có chuyện “hay” quá! Vừa về đến nhà Tú khoe ngay với mẹ:

- Mẹ ơi! Lớp con có một thằng ...

Mẹ ngẩng lên:

- Sao lại thằng?

Tú vẫn hớn hờ:

- Vâng! Một thằng mới vào lớp học mẹ ạ! Buồn cười lắm!

[...] Tú vừa cười vừa kể rằng: Cái “thằng ấy” mới xin chuyển về, vào lớp 5C của con, nó mặc cái quần ngắn ời là ngắn, và cái áo sơ mi ở trong chiếc áo len thì lại cổ lá sen. Kiểu cổ áo của con gái. Thế có buồn cười không? [...]

Mẹ lắc đầu:

- Sao con cứ gọi bạn là thằng thế nhỉ? Nói chuyện với mẹ, với bố, con không được gọi bạn là thằng nọ, thằng kia. Bạn ấy tốt hay xấu mà con lại gọi thế?

Tú lúng túng:

- Con ... con cũng chưa biết ạ!

[...] Nghe Tú nói, vẻ mặt mẹ vẫn không vui. Mẹ nhìn em có ý trách:

- Hết gọi bạn là thằng, rồi lại gọi là nó. Sao con không gọi hẳn tên bạn ra hoặc là: bạn ấy, bạn con được nhỉ? Tên bạn ấy là gì?

- Là Nam. Phó Văn Nam mẹ ạ. Buồn cười quá cơ!

- Thế thì đến mai, con hãy chơi với Nam và hỏi tại sao Nam lại mặc áo con gái nhé!

Cậu Nam ấy, hóa ra là một học sinh giỏi. Ngay bài toán tập đầu tiên làm ở lớp mới, không cần phải hỏi bạn bên cạnh, không xem bài của ai, cậu ấy đã được hân mười điểm. Mà chữ viết nữa chứ, rất đẹp.

Tú làm quen và biết được rằng nhà Nam nghèo thôi. [...] Chị Nam là con gái, áo quần mặc chật từ lúc bé, có cái nào mẹ mặc lại cho Nam. Mẹ Nam bảo Nam là: Bộ mặc ở ngoài thì cần phải đúng là của con trai. Lớn hơn nữa thì thôi. Giờ còn bé thì mặc tạm. Mẹ sẽ dành tiền may cho Nam. Thương mẹ vất vả, nên Nam đã vâng lời. Tú nghe bạn kể mà thương bạn. Mặc thừa áo của chị, mà vẫn học giỏi, lại biết thương mẹ, chứ không đua đòi, thấy ai có cái gì cũng muốn có theo.

Ngay hôm đó, về nhà Tú khoe:

- Mẹ ơi! Bạn Nam ấy, hay lắm mẹ ạ!

Mẹ hỏi:

- Hay làm sao?

- Bạn ấy là học sinh giỏi và ... ngoan, mẹ ạ!

Mẹ nhìn em. Ánh mắt mẹ cười vui ...

Nguồn: Quà tặng cuộc sống

Câu 1: Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính, ngôi kể của văn bản trên.

Câu 2: Chỉ ra lời của nhân vật và lời của người kể chuyện trong đoạn văn sau:

Buổi học hôm nay có chuyện “hay” quá! Vừa về đến nhà Tú khoe ngay với mẹ:

- Mẹ ơi! Lớp con có một thằng ...

Mẹ ngắt lời:

- Sao lại thằng?

Tú vẫn hớn hờ:

- Vâng! Một thằng mới vào lớp học mẹ ạ! Buồn cười lắm!

Câu 3: “Tú vừa cười vừa kể rằng: Cái “thằng ấy” mới xin chuyển về, vào lớp 5C của con, nó mặc cái quần ngắn ơi là ngắn, và cái áo sơ mi ở trong chiếc áo len thì lại cổ lá sen. Kiểu cổ áo của con gái. Thế có buồn cười không? [...]”

Các câu văn trên chủ yếu khắc họa nhân vật Nam ở phương diện nào?

Câu 4: Bằng đoạn văn khoảng 3-5 câu, nêu thông điệp rút ra từ văn bản.

ĐỀ 2

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện trả lời các câu hỏi:

“...Đến cuối chợ đã thấy lũ trẻ đang quay quần chơi nghịch. Chúng nó thấy chị em Sơn đến đều lộ vẻ vui mừng, nhưng chúng vẫn đứng xa, không dám vồ vập. Chúng như biết cái phận nghèo hèn của chúng vậy, tuy Sơn và chị vẫn thân mật chơi đùa với, chứ không kiêu kỳ và khinh khinh như các em họ của Sơn.

Thằng Cúc, con Xuân, con Tý, con Túc sán gần giương đôi mắt ngắm bộ quần áo mới của Sơn. Sơn nhận thấy chúng ăn mặc không khác ngày thường, vẫn những bộ quần áo nâu bạc đã rách vá nhiều chỗ. Nhưng hôm nay, môi chúng nó tím lại, và

qua những chỗ áo rách, da thịt thâm đi. Mỗi cơn gió đến, chúng lại run lên, hàm răng đập vào nhau.

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

- Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ.

Đứa khác nói:

- Ngày trước thầy tao cũng có một cái áo như thế, về sau bán cho ông lý mất.

Con Túc ngậy ngô giương đôi mắt lên hỏi Sơn:

- Cái này cậu mua tận Hà Nội phải không?

Sơn ưỡn ngực đáp:

- Ở Hà Nội, chứ ở đây làm gì có. Mẹ tôi còn hẹn mua cho tôi một cái áo len nhiều tiền hơn nữa kia.

Chị Lan bỗng giơ tay vẫy một con bé, từ nãy vẫn đứng dựa vào cột quán, gọi:

- Sao không lại đây, Hiền? Lại đây chơi với tôi.

Hiền là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay. Chị Lan cũng đến hỏi:

- Sao áo của mày rách thế Hiền, áo lành đâu không mặc?

Con bé bụ xịu nói:

- Hết áo rồi, chỉ còn cái này.

- Sao không bảo u mày may cho?

Sơn bây giờ mới chợt nhớ ra là mẹ cái Hiền rất nghèo, chỉ có nghề đi mò cua bắt ốc thì còn lấy đâu ra tiền mà sắm áo cho con nữa. Sơn thấy động lòng thương, cũng như ban sáng Sơn đã nhớ thương đến em Duyên ngày trước vẫn cùng nói với Hiền đùa nghịch ở vườn nhà. Một ý nghĩ tốt bỗng thoáng qua trong trí, Sơn lại gần chị thì thầm:

- Hay là chúng ta đem cho nó cái áo bông cũ, chị ạ.

- Ủ, phải đấy. Để chị về lấy.

Với lòng ngây thơ của tuổi trẻ, chị Lan hăm hở chạy về nhà lấy áo. Sơn đứng lặng yên đợi, trong lòng tự nhiên thấy ấm áp vui vui”...

(Trích Gió lạnh đầu mùa, Thạch Lam)

Câu 1: Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính, ngôi kể của văn bản trên.

Câu 2: Chỉ ra lời của nhân vật và lời của người kể chuyện trong đoạn văn sau:

Thằng Xuân đến mó vào chiếc áo của Sơn, nó chưa thấy cái áo như thế bao giờ. Sơn lật vạt áo thâm, chìa áo vệ sinh và áo dạ cho cả bọn xem. Một đứa tắc lưỡi, nói:

- Cái áo này mặc thì nóng lắm. Chắc mua phải đến một đồng bạc chứ không ít, chúng mày nhỉ.

Câu 3: “Hiên là đứa con gái bên hàng xóm, bạn với Lan và Duyên. Sơn thấy chị gọi nó không lại, bước gần đến trông thấy con bé co ro đứng bên cột quán, chỉ mặc có manh áo rách tả tơi, hở cả lưng và tay.”

Các câu văn trên chủ yếu khắc họa nhân vật Hiên ở phương diện nào?

Câu 4: Bằng đoạn văn khoảng 3-5 câu, nêu thông điệp rút ra từ văn bản.

ĐỀ 3:

Đọc ngữ liệu sau và thực hiện trả lời các câu hỏi:

CHUỖI HẠT CUỜM MÀU XÁM

Mắt nó rõ ràng là màu đen, nhưng tôi lại cứ thích bảo rằng mắt nó màu xám, như đôi mắt của một cô bé tóc nâu trong câu chuyện nào đó.

- Màu đen chứ! – Nó phụng phịu.

- Màu xám! Màu xám mà lì!

- Màu đen!

- Màu xám!

- Màu đen cơ!

Nó khóc thét lên, mặt đỏ phừng phừng. Tôi khoái chỉ cầm cành sung hươu lên trước mặt nó. Nó hay khóc nhè, hơi một tí là khóc. Một ngày có khi nó khóc mấy lần vì tôi. Vậy mà cứ bám riết lấy, thân như một cái đuôi. Mà tôi thì thế, nhưng không hề ghét nó. Cái Na ấy, bé tí như con chim chích, mặt tròn, có một nốt ruồi dưới mắt trái.

Hai ông cháu cái Na nghèo lắm, có khi nghèo nhất làng. Tôi không biết gì về bố mẹ Na, chỉ thấy có hai ông cháu tối ngày lừa vịt ra đầm rồi lừa về. Mỗi sáng, sương mai vừa tan là nó đội chiếc nón mê lúi thúi ra đầm trông vịt. Con đầm nằm bên kia cánh rừng, rộng mênh mông, đầy lau lách. Tôi đi học buổi sáng, chiều về thả trâu rồi ra đầm chơi với nó, hai đứa rúc vào bụi mua rậm rì hái quả, mồm mấp đen nhem như ngậm mực. Na không đi học, tôi biết nó thèm khát lắm khi thấy mỗi sáng chúng tôi í ới gọi nhau đến lớp. Đôi lúc hứng chí tôi mang giấy bút theo, bắt nó bò ra cõ nhìn quả trứng vịt mà vẽ, bảo đấy là chữ O.

Rằm tháng Bảy là cái tết thứ hai trong năm của chúng tôi. Ngày đó, trẻ con được mặc áo mới, nhà nhà gói bánh rôm rả lắm. Năm nào ông cháu cái Na cũng mang gạo sang góp chung với nhà tôi gói bánh gù, bao giờ nó cũng nhớ gói vài chiếc nhỏ xíu để hai đứa ăn trước. Mẹ tôi rất thương cái Na, phần vì nhà tôi không có con gái, phần vì hoàn cảnh của nó. Mẹ thường chải mái tóc rối bù, khét lẹt của nó, buộc thành hai túm vểnh lên như đuôi ngựa, dạy nó làm đủ thứ bánh,...

- Anh Di ơi!

- Cái gì?

- Hái cho em chùm phong lan kia với.

Tôi nhìn theo tay nó chỉ. Chà! Chùm phong lan đang độ nở đầy, vàng rực sáng cả vòm lá cao chót vót. Tôi giao hẹn: “Được thôi. Nhưng không được mách mẹ là tao bắn què con gà đấy nhé!”. Tôi sợ nhất cái Na mách lẻo những tội tày đình của mình với mẹ. Vừa hôm qua thôi, tôi giương súng cao su định bắn con lợn đang dũi đất

ngoài vườn rau lại trúng phải con gà mái mẹ, què cẳng nó. Na vừa cười vừa gât lia lia.

Gì chứ trèo cây là thú vui của tôi, nhất là trên cây có tổ sáo hay khướu thì khỏi nói. Tôi trèo thoăn thoắt, ở dưới cái Na cứ ngửa mặt lên xuýt xoa, luôn miệng nhắc cẩn thận. Lúc thả chùm phong lan xuống cho nó, tôi từ từ tụt xuống rồi giả vờ ngã phịch, nằm thẳng đừ. Cái Na cuống quýt vớt chùm hoa đi meo máo sờ nắn khắp người tôi. Nào là “anh đừng chết đấy nhá”, nào là “đừng có dọa em”, nào là “em đã bảo rồi mà không chịu cẩn thận”,... Tôi buồn cười quá, không nín được, cười phá lên sảng sặc. Na túm lấy tôi đầm thùm thụp, nước mắt lại chảy ra đầm đìa.

Năm học cuối cấp hai tôi không còn nhiều thời gian chơi với Na nữa. Thi thoảng lại thấy nó rón rén vào cổng rồi rúc vào bếp với mẹ tôi, để yên cho tôi học bài. Một hôm thấy nó thập thò mãi ở cửa, tôi gọi:

- Có gì ăn được hay sao thế?

- Không phải... không ăn được, nhưng... cho anh này. Em hái ở tí Bải Bẵng về đấy! Nó xoè tay ra. Một chuỗi hạt cườm còn tươi, xâu bằng chỉ đỏ.

- Tao mà lại đi đeo cái thứ dở hơi này à?

- Nó không đẹp à? (Nghe giọng lại rung rung rồi).

Tôi trấn an:

- Không phải thế, đẹp chứ. Tao đùa một tí thôi. Xin nhé!

- Anh sắp đi học xa rồi, khi nào anh nhìn thấy nó thì...

- Ủ, tao biết rồi. Mà cũng lắm chuyện ra phết đấy!

Na cười toe toét. Đúng là đồ con gái!

Thi xong tôi quyết định xả hơi vài ngày. Mùa này măng đang mọc, hoẵng về nhiều lắm đấy. Tôi định dắt con Vện đi đặt bẫy, chợt nhìn thấy chuỗi hạt cườm trên mặt bàn bèn mang ra đeo vào cổ con chó. Trông cũng hay hay.

Ở làng không có trường cấp ba, tôi được ông bác nhận đón về thị xã học tiếp đúng như dự định. Ngày mai tôi đi thi tới nay cả xóm đến chơi, cái Na cũng đến, lúi húi nhét đủ thứ vào bị cho tôi. Bất chợt con Vện từ đâu về lao hồng hộc vào nhà, chuỗi hạt cườm xâu bằng chỉ đỏ vẫn lẳng nhặng trên cổ. Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuỗi hạt, lắp bắp không ra tiếng. Tôi chợt hiểu, rồi rút thanh minh:

- Anh xin lỗi. Không phải anh chê nó không đẹp. Không phải anh không thích, mà tại vì... tại vì... con Vện cũng giống anh thôi mà...

Na không nói gì, chạy vụt đi. Thế là thêm một lần nữa tôi lại làm nó khóc rồi.

Tôi luống cuống gỡ chuỗi hạt trên cổ con Vện, gỡ mãi, gỡ mãi, nó đứt ra, rơi vãi tung toé, gom mãi cũng chỉ còn gần nửa số hạt.

Rồi tôi đi, đi lâu, hàng chục năm trời. Những lần quay trở về đều không gặp Na, nó tránh mặt tôi. Khi tôi về hẳn thì ông cháu cái Na đã không còn ở đó nữa. Ông mất, được đưa ra rừng. Na theo một người bà con xa đi nơi khác. Những hạt cườm vẫn còn, bóng lên theo thời gian, như đôi mắt của Na nhìn tôi trách móc.

Hằng ngày, tôi lên lớp, cố tìm trong đám trò nhỏ của mình hình bóng Na, nhưng làm gì có gương mặt rám nắng, mái tóc vàng hoe như râu ngô và đôi mắt xám buồn mênh mang. Không biết Na ở nơi nào, Na ơi!

Vị Xuyên – 1994

(ĐỖ BÍCH THUÝ, Tuyển tập truyện viết về thiếu nhi dân tộc và miền núi, NXB Giáo dục, 2004)

Chọn phương án trả lời đúng cho mỗi câu hỏi (từ câu 1 đến câu 5):

Câu 1: Xác định thể loại, phương thức biểu đạt chính, ngôi kể của văn bản trên.

Câu 2: Nêu tác dụng của dấu ngoặc kép trong đoạn văn sau:

Tôi nhìn theo tay nó chỉ. Chà! Chùm phong lan đang độ nở đầy, vàng rực sáng cả vòm lá cao chót vót. Tôi giao hẹn: “Được thôi. Nhưng không được mách mẹ là tao bắn què con gà đấy nhé!”. Tôi sợ nhất cái Na mách lẻo những tội tày đình của mình với mẹ. Vừa hôm qua thôi, tôi giương súng cao su định bắn con lợn đang dũi đất ngoài vườn rau lại trúng phải con gà mái mẹ, què cẳng nó. Na vừa cười vừa gât lia lia.

Câu 3: Theo em, nhân vật Na là người như thế nào?

Câu 4: Qua chi tiết “Na túm chặt lấy hai tai con Vện, nhìn tôi, nhìn chuối hạt, lấp bắp không ra tiếng.” cho thấy tâm trạng nhân vật Na như thế nào?

Câu 5: Bằng đoạn văn khoảng 3-5 câu, nêu thông điệp rút ra từ văn bản.

DẠNG 2: VIẾT

Nêu ý kiến của em về hiện tượng:

Đề 1: Hiện tượng bắt nạt.

Đề 2: Mặc đồng phục khi đến trường.

MÔN: GDDP 6

A. Phạm vi ôn tập

1. **Chủ đề 6:** Các nghề truyền thống ở thành phố Hà Nội

2. **Chủ đề 7:** Phong trào tương thân tương ái của người dân Hà Nội

3. **Chủ đề 8:** Ô Nhiễm môi trường và những ảnh hưởng tới đời sống, sức khỏe người dân Hà Nội

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Trắc nghiệm (100% trắc nghiệm)

C. CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Nghề truyền thống có vai trò quan trọng nhất trong việc gì?

- A. Tăng cường sự hiện đại hoá
- B. Bảo tồn văn hoá dân tộc
- C. Thay thế hoàn toàn các nghề hiện đại
- D. Giảm nhu cầu lao động

Câu 2: Nghề truyền thống Hà Nội giúp gì trong việc bảo tồn văn hoá dân tộc?

- A. Góp phần duy trì bản sắc văn hoá địa phương
- B. Thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương
- C. Bảo tồn kỹ năng truyền thống
- D. Phát triển nghề thuật dân gian

Câu 3: Một trong những thuận lợi lớn nhất của các nghề truyền thống ở Hà Nội là

- A. Nguồn nguyên liệu luôn dồi dào và rẻ.
- B. Có lịch sử lâu đời và bản sắc văn hoá riêng.
- C. Không chịu sự cạnh tranh từ các ngành công nghiệp hiện đại.
- D. Được tự động hoá hoàn toàn trong sản xuất.

Câu 4: Khó khăn lớn nhất mà các làng nghề truyền thống ở Hà Nội đang gặp phải là gì?

- A. Thiếu lao động trẻ có tay nghề cao.
- B. Không có thị trường tiêu thụ sản phẩm.
- C. Không có sự hỗ trợ từ chính quyền.
- D. Sản phẩm không có giá trị văn hóa.

Câu 5: Yếu tố nào giúp các nghề truyền thống ở Hà Nội duy trì và phát triển?

- A. Sự quan tâm của khách du lịch và thị trường quốc tế.
- B. Chỉ dựa vào kinh nghiệm truyền miệng của người thợ.
- C. Giảm giá thành sản phẩm đến mức thấp nhất.
- D. Không cần đổi mới mẫu mã sản phẩm.

Câu 6: Một trong những thách thức trong việc bảo tồn nghề truyền thống là gì?

- A. Sự phát triển của công nghệ và sản xuất hiện đại.
- B. Việc sản xuất không cần nguyên liệu đặc biệt.
- C. Giá thành sản phẩm thủ công rẻ hơn hàng công nghiệp.
- D. Lao động trong nghề không cần đào tạo.

Câu 8: Làng nghề Bát Tràng nổi tiếng với sản phẩm nào dưới đây?

- A. Thổ cẩm
- B. Gốm sứ
- C. Lụa tơ
- D. Giấy dó

Câu 9: Làng nghề Văn Phúc thuộc huyện nào của Hà Nội?

- A. Hoài Đức
- B. Gia Lâm
- C. Thường Tín
- D. Thanh Trì

Câu 10: Làng Chuông nổi tiếng với nghề gì?

- A. Nồi đất
- B. Mây tre đan
- C. Làm nón
- D. Đánh bạc

Câu 11: Làng nghề Hà Đông nổi tiếng với sản phẩm nào?

- A. Giấy dó
- B. Dệt lụa
- C. Lẩu trại
- D. Khảm xà cừ

Câu 9: Nghề làm quạt giấy nổi tiếng thuộc làng nghề nào?

- A. Văn Phúc
- B. Quất Động
- C. Chương Mỹ
- D. Bát Tràng

Câu 10: Nghề khảm trai thuộc làng nghề nào sau đây?

- A. Định Công
- B. La Xuyên
- C. Hà Đông
- D. Văn Phúc

Câu 11: Làng Sài Đồng nổi tiếng với nghề gì?

- A. Thủ công
- B. Kim hoàn
- C. Móc mây
- D. Khảm xà cừ

Câu 12: Nghề trồng hoa Tây Tựu thuộc quận

- A. Hà Đông, Hà Nội.
- B. Hoàng Mai, Hà Nội.
- C. Bắc Từ Liêm, Hà Nội.
- D. Cầu Giấy, Hà Nội.

Câu 13: Phong trào "Tương thân tương ái" của người dân Hà Nội thể hiện điều gì?

- A. Tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau
- B. Sự cạnh tranh trong xã hội
- C. Xu hướng sống độc lập, không cần hỗ trợ
- D. Chỉ giúp đỡ người thân trong gia đình

Câu 14: Một trong những hoạt động phổ biến của phong trào tương thân tương ái là gì?

- A. Quyên góp ủng hộ đồng bào gặp khó khăn
- B. Chỉ tập trung phát triển kinh tế cá nhân
- C. Tổ chức sự kiện giải trí
- D. Kinh doanh vì lợi nhuận cá nhân

Câu 15: Phong trào tương thân tương ái thường được phát động vào thời điểm nào?

- A. Khi có thiên tai, dịch bệnh hoặc hoàn cảnh khó khăn
- B. Chỉ vào dịp Tết Nguyên Đán
- C. Mỗi khi có sự kiện thể thao lớn
- D. Chỉ trong phạm vi trường học

Câu 16: Đối tượng nào thường nhận được sự giúp đỡ trong phong trào tương thân tương ái?

- A. Người nghèo, người có hoàn cảnh khó khăn
- B. Chỉ những người lớn tuổi
- C. Người có thu nhập cao
- D. Chỉ học sinh, sinh viên

Câu 17: Hình thức phổ biến của phong trào tương thân tương ái là gì?

- A. Hỗ trợ lương thực, tiền bạc, vật dụng thiết yếu
- B. Cạnh tranh để giành lợi ích cá nhân
- C. Chỉ giúp đỡ khi có lợi cho bản thân
- D. Không có hoạt động cụ thể

Câu 18: Ai có thể tham gia vào phong trào tương thân tương ái?

- A. Mọi người, không phân biệt tuổi tác, nghề nghiệp
- B. Chỉ những người giàu có
- C. Chỉ học sinh và sinh viên
- D. Chỉ cán bộ nhà nước

Câu 19: Một số chương trình nổi bật trong phong trào tương thân tương ái ở Hà Nội là gì?

- A. "Hà Nội chung tay vì người nghèo"
- B. "Thách thức kinh doanh cá nhân"
- C. "Mua sắm thông minh"
- D. "Thi đua sản xuất kinh tế"

Câu 20: Hành động nào thể hiện tinh thần tương thân tương ái?

- A. Giúp đỡ người già neo đơn, trẻ em mồ côi
- B. Chỉ tập trung làm giàu cho bản thân
- C. Phớt lờ khó khăn của người khác
- D. Từ chối tham gia các hoạt động xã hội

Câu 21: Một trong những lợi ích của phong trào tương thân tương ái là gì?

- A. Gắn kết cộng đồng, xây dựng xã hội nhân văn
- B. Làm cho khoảng cách giàu nghèo lớn hơn
- C. Tăng cường sự phân biệt giữa các tầng lớp xã hội
- D. Giảm sự quan tâm đến người khó khăn

Câu 22: Việc quyên góp sách vở cho trẻ em vùng khó khăn thuộc hoạt động nào?

- A. Phong trào tương thân tương ái
- B. Chỉ là hoạt động kinh doanh từ thiện
- C. Phong trào bảo vệ môi trường
- D. Hoạt động mua bán sách cũ

Câu 23: Tinh thần tương thân tương ái giúp gì cho thế hệ trẻ?

- A. Rèn luyện lòng nhân ái, trách nhiệm với cộng đồng
- B. Chỉ tập trung vào kiến thức cá nhân
- C. Không có ảnh hưởng gì
- D. Khuyến khích sự thờ ơ với xã hội

Câu 24: Việc hỗ trợ lương thực cho người vô gia cư là hành động thể hiện điều gì?

- A. Lòng nhân ái và chia sẻ
- B. Cạnh tranh kinh tế
- C. Lợi ích kinh doanh
- D. Quảng bá thương hiệu cá nhân

Câu 25: Một trong những hình thức phổ biến của phong trào tương thân tương ái trong trường học là gì?

- A. Nuôi heo đất gây quỹ giúp đỡ bạn nghèo
- B. Tổ chức cuộc thi thể thao
- C. Khuyến khích học sinh thi đua thành tích học tập
- D. Tổ chức sự kiện văn nghệ thương mại

Câu 26: Ai là người có trách nhiệm duy trì và phát triển phong trào tương thân tương ái?

- A. Mọi người trong xã hội
- B. Chỉ chính quyền địa phương
- C. Chỉ các tổ chức từ thiện
- D. Chỉ những người giàu có

Câu 27: Hành động nào KHÔNG thể hiện tinh thần tương thân tương ái?

- A. Chia sẻ khó khăn với người khác
- B. Cố tình lợi dụng sự giúp đỡ vì mục đích cá nhân
- C. Tặng quà cho trẻ em nghèo
- D. Quyên góp quần áo cũ cho người có hoàn cảnh khó khăn

Câu 28: Phong trào tương thân tương ái có vai trò như thế nào trong đời sống?

- A. Lan tỏa yêu thương, giúp xã hội phát triển bền vững
- B. Giúp một số người làm giàu cá nhân
- C. Làm tăng sự cách biệt giữa các tầng lớp xã hội
- D. Không ảnh hưởng đến xã hội

Câu 29: Gia đình bạn H là gia đình nghèo, bố bạn bị bệnh hiểm nghèo. Nhà trường miễn học phí cho bạn, lớp tổ chức đi thăm hỏi, động viên bạn. Hành động đó thể hiện điều gì?

- A. Lòng yêu thương mọi người.
- B. Tinh thần đoàn kết.
- C. Tinh thần yêu nước.
- D. Lòng trung thành.

Câu 30: Hành động đưa người già sang đường thể hiện điều gì?

- A. Đức tính chăm chỉ, cần cù.
- B. Đức tính tiết kiệm.
- C. Tinh thần kỷ luật.
- D. Lòng yêu thương con người

Câu 31: Câu tục ngữ: “Bầu ơi thương lấy bí cùng/Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” nói đến điều gì?

- A. Tinh thần đoàn kết.
- B. Lòng yêu thương con người.
- C. Tinh thần yêu nước.
- D. Đức tính tiết kiệm.

Câu 32: Nguyên nhân chính gây ô nhiễm không khí tại Hà Nội là gì?

- A. Khí thải từ phương tiện giao thông
- B. Hoạt động xây dựng và công nghiệp
- C. Đốt rác thải không kiểm soát
- D. Sự gia tăng dân số nhanh chóng

Câu 33: Loại ô nhiễm nào ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe hô hấp của người dân?

- A. Ô nhiễm nước
- B. Ô nhiễm không khí
- C. Ô nhiễm tiếng ồn
- D. Ô nhiễm ánh sáng

Câu 34: Hậu quả nghiêm trọng nhất của ô nhiễm nguồn nước đối với con người là gì?

- A. Thiếu nước sạch sinh hoạt
- B. Lây lan dịch bệnh
- C. Giảm sản lượng nông nghiệp
- D. Ảnh hưởng đến đa dạng sinh học

Câu 35: Ô nhiễm tiếng ồn có thể gây ra tác hại nào?

- A. Mất ngủ và căng thẳng thần kinh
- B. Gây bệnh về hô hấp
- C. Làm tăng nguy cơ mắc bệnh da liễu
- D. Ảnh hưởng đến thính giác lâu dài

Câu 36: Nguyên nhân chủ yếu gây ô nhiễm nguồn nước ở Hà Nội là gì?

- A. Nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý
- B. Chất thải công nghiệp và hóa chất
- C. Rác thải nhựa và kim loại nặng
- D. Hoạt động sản xuất nông nghiệp không kiểm soát

Câu 37: Tình trạng ô nhiễm môi trường ở Hà Nội ảnh hưởng lớn nhất đến nhóm đối tượng nào?

- A. Người già và trẻ em
- B. Người trưởng thành khỏe mạnh
- C. Người làm việc trong văn phòng
- D. Khách du lịch

Câu 38: Ô nhiễm môi trường có thể gây ra hậu quả gì đối với nền kinh tế?

- A. Tăng chi phí y tế và giảm năng suất lao động
- B. Làm tăng giá trị bất động sản
- C. Thúc đẩy ngành du lịch phát triển
- D. Giảm nhu cầu tiêu thụ sản phẩm công nghiệp

Câu 39: Ô nhiễm không khí có thể gây ra những bệnh lý nào?

- A. Hen suyễn, viêm phổi
- B. Bệnh tim mạch
- C. Ung thư phổi
- D. Ảnh hưởng đến hệ thần kinh

Câu 40: Nguyên nhân chính gây ra ô nhiễm rác thải nhựa ở Hà Nội là gì?

- A. Thói quen sử dụng đồ nhựa một lần
C. Ý thức bảo vệ môi trường chưa cao

- B. Việc thu gom và xử lý rác chưa hiệu quả
D. Việc thiếu các chính sách quản lý hiệu quả

Câu 41: Hành động nào giúp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn trong đô thị?

- A. Xây dựng nhiều công trình cao tầng hơn
B. Sử dụng phương tiện cá nhân nhiều hơn
C. Hạn chế sử dụng còi xe ở khu vực đông dân cư
D. Tăng cường lắp đặt rào chắn âm thanh

Câu 42: Vì sao rác thải sinh hoạt chưa được xử lý đúng cách lại gây ô nhiễm?

- A. Làm phát sinh mùi hôi, ô nhiễm không khí
B. Gây tắc nghẽn hệ thống thoát nước
C. Làm ảnh hưởng đến cảnh quan đô thị
D. Góp phần gây ra ô nhiễm đất và nước

Câu 43: Hà Nội đã thực hiện biện pháp nào để giảm ô nhiễm môi trường?

- A. Xây dựng hệ thống giao thông công cộng hiện đại
B. Tăng cường xử lý chất thải và rác thải
C. Trồng thêm cây xanh và xây dựng công viên
D. Kiểm soát khí thải từ các phương tiện giao thông

Câu 44: Hành động nào dưới đây là không đúng trong việc bảo vệ môi trường tự nhiên?

- A. Trồng cây xanh.
B. Không sử dụng túi nilon.
C. Buôn bán động vật quý hiếm.
D. Phân loại, vứt rác đúng nơi quy định.

Câu 45: Nguyên nhân ô nhiễm không khí là do

- A. Săn bắt bừa bãi, vô tổ chức
B. Các chất thải từ thực vật phân huỷ
C. Đốn rừng để lấy đất canh tác
D. Các chất thải do đốt cháy nhiên liệu

SEMESTER 2 - GRADE 6

Name: Class: 6.....

A. TOPICS: From unit 7 to unit 12

B. VOCABULARY

- Unit 7: Television
- Unit 8: Sports and games
- Unit 9: Cities of the world
- Unit 10: Our houses in the future
- Unit 11: Our greener world
- Unit 12: Robots

C. PRONUNCIATION

- Sounds: /θ/ and /ð/; /e/ and /æ/; /əʊ/ and /aʊ/
- Stress in two-syllable words
- Rhythm in sentences
- Tones in statements

D. GRAMMAR:

1. Wh-questions:

1.1. Công thức

Với động từ thường	Question word + trợ ĐT + S + V...? E.g: What do you eat? (Bạn ăn gì?)
Với động từ "to be"	Question word + be + S ...? E.g: Where is Peter? (Peter đâu rồi?)

1.2. Cách dùng

Từ hỏi	Mục đích
Who	Dùng để hỏi về người.
Whose	Dùng để hỏi về chủ sở hữu.
Where	Dùng để hỏi vị trí và địa điểm.
When	Dùng để hỏi về thời gian.
Why	Dùng để hỏi nguyên nhân và tìm lí do.
What	Dùng để hỏi về sự vật, việc điều chưa biết.
Which	Dùng để hỏi về sự lựa chọn.
How	Dùng để hỏi cách thức, tình trạng.

2. Conjunctions in compound sentences:

Liên từ (hay còn gọi là từ nối) dùng để kết hợp các từ, cụm từ, mệnh đề hoặc câu với nhau.

- **and (và):** Để nối hai động từ hay tính từ hoặc danh từ (một bộ phận của câu).
- **or (hoặc):** Chỉ sự lựa chọn hoặc đoán chừng.
- **but (nhưng):** Chỉ sự mâu thuẫn, trái ngược.
- **because (bởi vì):** Chỉ nguyên nhân hoặc lý do.
- **although (mặc dù):** Chỉ sự tương phản.
- **so (vì vậy, nên):** Chỉ sự lựa chọn

3. Past simple:

3.1. Cấu trúc

	Cấu trúc với động từ "to be"	Cấu trúc với động từ thường
Khẳng định	I / She/ He / It/ DT số ít + was + ... We / You / They/ DT số nhiều + were + ...	S + V (ed/BQT) + ...
Phủ định	I / She/ He / It/ DT số ít + was not + ... We / You / They/ DT số nhiều + were not + ... * Was not = wasn't	S + did not + V (nguyên thể) + ... * Did not = didn't

	Were not = weren't	
Nghi vấn	Was + I / she/ he / It / DT số ít ...? Were + we / you / they/ DT số nhiều ...? → Yes, S + was/were. No, S + was/were + not.	Did + S + V (nguyên thể) + ...? → Yes, S + did. No, S + didn't.

3.2. Cách sử dụng:

- Dùng để diễn tả một hành động đã xảy ra và chấm dứt hoàn toàn tại một thời điểm xác định trong quá khứ.

Vd: They went to the concert last night.

- Dùng để diễn tả một thói quen hoặc những hành động thường làm trong quá khứ

Vd: We often played football on Sunday.

- Diễn tả những hành động xảy ra kế tiếp nhau trong quá khứ (dùng để thuật lại câu chuyện)

Vd: This morning, I wake up, got out of bed, brushed my teeth, had breakfast and left home.

3.3. Dấu hiệu nhận biết:

- yesterday (hôm qua)

- last night/ last week/ last month/ last year: *tối qua/ tuần trước/ tháng trước/ năm ngoái*

- ago: *Cách đây*. (two hours ago: *cách đây 2 giờ*/ two weeks ago: *cách đây 2 ngày* ...)

- In + tháng/năm. (in July: vào tháng 7, in 2017: vào năm 2017)

- when: *khi (trong câu kể)* + mệnh đề quá khứ. (When I was ten, I usually played games all day)

4. Imperatives:

• Đứng đầu câu là động từ nguyên mẫu không có "to", không có chủ ngữ. Trong câu có thể có kèm theo từ "please" ở đầu hoặc cuối câu thể hiện ý trang trọng, lịch sự.

E.g. Enjoy your meal. (*Ăn ngon miệng nhé*.)

• Đứng đầu câu là một danh từ riêng hoặc đại từ nhằm xác định cụ thể đối tượng được nói đến trong câu mệnh lệnh.

E.g. Mary, hurry up. (*Nhanh lên Mary.*)

• Đứng đầu câu là "you" biểu đạt sự tức giận hoặc thể hiện ý ra lệnh.

E.g. You come here. (*Bạn lại đây.*)

• Đứng đầu câu là động từ "do" biểu đạt ý nhấn mạnh trong câu mệnh lệnh

E.g. Do sit down! (*Ngồi xuống đi!*)

5. Possessive adjectives and Possessive pronouns: Tính từ sở hữu và đại từ sở hữu

- Tính từ sở hữu (Possessive Adjective) là những từ dùng để chỉ sự sở hữu, thường đứng trước danh từ nhằm giúp người đọc và người nghe hiểu được danh từ đó thuộc về một người hay một vật nào đó.

Eg: This is **my** book. (Đây là quyển sách của tôi)

→ Trong ví dụ này, "**my**" là tính từ sở hữu được đặt trước danh từ "**book**" nhằm chỉ quyền sở hữu quyển sách này thuộc về người nói.

- Đại từ sở hữu là một dạng đại từ được sử dụng để thể hiện quyền sở hữu hoặc chiếm hữu của một danh từ. Chức năng chính của đại từ sở hữu là thay thế cho danh từ, cụm danh từ đã được nhắc đến trước đó nhằm tránh lặp từ.

Eg:

This is your bicycle (Đây là xe đạp của bạn)

This is yours (Đây là của bạn)

☞ "yours" thay thế cho "your bicycle"

Các tính từ sở hữu và đại từ sở hữu tương ứng với các đại từ nhân xưng trong bảng sau

Personal pronoun	Possessive adjectives	Possessive pronouns
I	My	Mine
You	Your	Yours
He	His	His
She	Her	Hers
It	its	Its

We	Our	Ours
They	Their	theirs

6. Future simple – Thì Tương lai đơn

6.1. Cách dùng:

- Thì tương lai đơn diễn tả những sự việc, hành động xảy ra trong tương lai.

6.2. Cấu trúc

	Cấu trúc	Ví dụ
Khẳng định	S + will + V (nguyên thể) + ...	I will buy a bicycle in the future.
Phủ định	S + will + not + V (nguyên thể) + ... Note: will not = won't	I won't give up my dream
Nghi vấn	Will + S + V (nguyên thể) + ...? → Yes, S + will / No, S + won't	Will they build houses in the space? → Yes, they will

6.3. Dấu hiệu nhận biết:

- Trong câu thường có các từ sau: **soon/tomorrow/ in the future / probably/ maybe, perhaps/ someday.**

- **Next week/ month/ year...**

- **This afternoon/ week/ month.../**

E.g: The bus will come **soon**.

There won't be anything new **this week**.

Will we still live in a house **in the future**?

7. Modal verb “Might”

Chúng ta sử dụng **might** (có thể) để nói về một điều gì đó có khả năng xảy ra trong tương lai.

Dạng phủ định của **might not** (mightn't) nghĩa là không có khả năng xảy ra.

S + might/ mightn't + V (nguyên thể) + ...
Example: It might rain later.
He mightn't go fishing tomorrow.

8. Articles – Mạo từ

8.1. Mạo từ A/An

- Dùng trước danh từ đếm được ở số ít.

- Dùng **a** khi danh từ bắt đầu bằng phụ âm.

- Dùng **an** khi danh từ bắt đầu bằng nguyên âm. (nguyên âm a, o, i, e, u)

• Lưu ý: Sử dụng **a/an** để nói về người, vật, nghề nghiệp.

E.g: He's a teacher.

He works as a teacher.

• Không dùng **a/an** trong các trường hợp: Với danh từ không đếm được, với sở hữu, sau **kind of, sort of**: rice/ my book/ kind of tree.

8.2. Mạo từ The

- “**The**” được dùng trước danh từ số ít và danh từ số nhiều khi danh từ đó đã được xác định.

E.g: The dog that bit me ran away.

I was happy to see **the** policeman who saved my cat.

I saw **the** elephant at **the** zoo.

9. First conditional – Câu điều kiện loại 1

- Câu điều kiện loại 1 diễn tả sự việc có thể xảy ra ở hiện tại hoặc tương lai theo như điều kiện được đặt ra.

9.1 Cách dùng

- Dùng để chỉ về các sự việc, hành động có thể xảy ra ở cả hiện tại hoặc tương lai

E.g: If they come to the party, we will have a great time.

(Nếu họ đến buổi tiệc, chúng ta sẽ có một khoảng thời gian tuyệt vời.)

- Dùng với mục đích gợi ý hoặc đề nghị

E.g: If you have some free time this weekend, we can go to the beach.
(Nếu bạn có thời gian rảnh cuối tuần này, chúng ta có thể đi biển.)

- Dùng trong trường hợp muốn cảnh báo hoặc đe dọa

E.g: If you continue to be late for work, you will be fired.
(Nếu bạn tiếp tục đi làm muộn, bạn sẽ bị sa thải.)

9.2 Cấu trúc

	Mệnh đề If	Mệnh đề chính
Cấu trúc dạng khẳng định	If + S + V(s/es),	S + will/won't + V (nguyên thể).
Nhóm thì	Thì hiện tại đơn	Thì tương lai đơn
Ví dụ	If I have enough money, I will buy a new Iphone.	

- **Lưu ý:** Ở mệnh đề chính, với những trường hợp đặc biệt “will” có thể được chuyển đổi thành các động từ khiếm khuyết khác như “must”, “should”, “have to”, “ought to”, “can”, “may”
- **Lưu ý:** Khi mệnh đề “if” đứng trước mệnh đề chính, chúng ta cần dùng dấu phẩy ngăn cách 2 mệnh đề. Tuy nhiên, nếu mệnh đề chính đứng trước mệnh đề “if”, chúng ta không cần dùng dấu phẩy.

	Mệnh đề If	Mệnh đề chính
Cấu trúc dạng phủ định	If + S + don't/ doesn't + V,	S + will/won't + V (nguyên thể).
Nhóm thì	Thì hiện tại đơn	Thì tương lai đơn
Ví dụ	If I don't have enough money, I won't buy a new Iphone.	

- **Lưu ý:** Có thể thay thế “If not” thành “Unless”
E.g: If Thanh doesn't study hard, she won't pass the exam
→ Unless Thanh study hard, she won't pass the exam.

10. Superlative adjectives (short adjectives) – So sánh nhất của tính từ ngắn

10.1 Cấu trúc

S + be + the adj + est + Noun.
E.g: Russia is the largest country in the world. (Nga là nước lớn nhất trên thế giới.)

10.2 Quy tắc thêm “EST” vào sau tính từ ngắn

- Phần lớn các tính từ ngắn: thêm -est

E.g: clean → cleanest; new → newest
cheap → cheapest; clever → cleverest
narrow → narrowest

- Tính từ có hai vần kết thúc bằng y: đổi y → i rồi thêm -est

E.g: happy → happiest; dirty → dirtiest
easy → easiest; noisy → noisiest
pretty → prettiest

- Tính từ có một vần kết thúc bằng y giữ nguyên y rồi thêm -est

E.g: shy → shyest

- Tính từ kết thúc bằng e: chỉ thêm -st

E.g: simple → simplest

- Tính từ kết thúc bằng một nguyên âm và một phụ âm: gấp đôi phụ âm cuối rồi thêm -est

E.g: thin → thinnest

10.3 So sánh nhất của một số tính từ đặc biệt

good → best

bad	→	worst
far	→	farthest/furthest
little	→	least
many/ much	→	most
old	→	oldest/ eldest

D. SPEAKING:

- Introduce and answer teacher's questions.
- Present the topic and answer teacher's questions

Topic 1. Television

- What do you usually watch on TV?
- How often do you watch TV?
- What are the advantages/ disadvantages of watching TV?

Topic 2. Sports and games

- Do you play any sports these days?
- Which sports do you enjoy watching on TV?
- Which is the most dangerous sport?

Topic 3: Cities of the world

- Did you grow up in the city or in the country?
- What do you think should be done to improve living condition in cities?
- Would you prefer to live in a really old historical city, or a really new modern city?

Topic 4: Our houses in the future

- Do you like the place where you are living? Why or why not?
- What is your favorite room in your house? Why?
- What does the outside of your house look like?

Topic 5: Our greener world

- How is the environment around you?
- What should we do to protect the environment?
- What kind of pollution is worst for our health?

Topic 6: Robots

- What is a robot?
- How can robots help humans?
- What are some TV shows or movies about robots?

E. EXERCISES:

Exercise 1. Choose the word whose underlined part differs from the others in pronunciation in each of the following questions.

- | | | | |
|----------------------|---------------------|-----------------------|-------------------|
| 1. A. <u>noon</u> | B. <u>tool</u> | C. <u>blood</u> | D. <u>spoon</u> |
| 2. A. <u>weather</u> | B. <u>together</u> | C. <u>brother</u> | D. <u>theater</u> |
| 3. A. <u>prepare</u> | B. <u>carry</u> | C. <u>share</u> | D. <u>fair</u> |
| 4. A. <u>how</u> | B. <u>rose</u> | C. <u>know</u> | D. <u>remote</u> |
| 5. A. <u>cow</u> | B. <u>flower</u> | C. <u>town</u> | D. <u>local</u> |
| 6. A. <u>healthy</u> | B. <u>thank</u> | C. <u>other</u> | D. <u>think</u> |
| 7. A. <u>find</u> | B. <u>favourite</u> | C. <u>outside</u> | D. <u>library</u> |
| 8. A. <u>divide</u> | B. <u>anything</u> | C. <u>description</u> | D. <u>animal</u> |

Exercise 2. Choose the word that differs from the others in the position of primary stress in each of the following questions.

- | | | | |
|-----------------|--------------|--------------|--------------|
| 1. A. channel | B. programme | C. viewer | D. control |
| 2. A. human | B. colour | C. design | D. picture |
| 3. A. repair | B. pleasure | C. decide | D. afraid |
| 4. A. bottle | B. repeat | C. reduce | D. recycle |
| 5. A. pollution | B. solar | C. symbol | D. reason |
| 6. A. charity | B. exchange | C. channel | D. character |
| 7. A. gardening | B. laundry | C. recognize | D. opinion |
| 8. A. appliance | B. ahead | C. journey | D. career |

Exercise 3. Mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of following the questions.

1. _____ are you going to invite to your birthday party next Monday?
A. What B. Who C. Whose D. How
2. My mother can't swim _____ she's afraid of water.
A. because B. but C. and D. so
3. This channel has a lot of interesting programmes. Do you want to check its _____.
A. volume button B. series C. schedule D. channel
4. In the future, robots can _____ old people.
A. take care B. put away C. look at D. look after
5. The teacher _____ us about our homework last night.
A. ask B. didn't ask C. wasn't ask D. asks
6. I _____ the park with my family yesterday.
A. visit B. didn't visited C. visited D. wasn't visit
7. Your car is a lot faster than _____.
A. my B. its C. mine D. me
8. _____ dog is so friendly. It never barks.
A. They B. Theirs C. Them D. Their
9. She might have a _____ to help her do the housework in the future.
A. robot B. dishwasher C. washing machine D. fridge
10. Do you think a _____ will choose suitable food for our meals?
A. washing machine B. smartphone C. modern fridge D. kettle
11. I think he _____ home at 3:00 tomorrow.
A. will return B. returns C. is returning D. has return
12. The house will have a smart TV to send and _____ emails.
A. post B. receive C. give D. buy
13. If we all use _____ bags, we'll help the environment.
A. new B. cheap C. reusable D. reduced
14. You should put used cans and glass bottles into _____.
A. garden B. recycling bins C. organic green bins D. All are correct
15. We should use reusable water bottles _____ plastic ones.
A. because B. however C. but D. instead of
16. Many people are interested in living _____ the planet Mars.
A. in B. on C. at D. by
17. If it is sunny next weekend, we _____ for a picnic.
A. went B. is going C. goes D. will go
18. If we _____ more, we will help the Earth.
A. recycle B. recycles C. recycled D. will recycle
19. The clouds are leaving, and the sun is coming out. It probably _____ anymore.
A. is raining B. isn't raining C. will rain D. won't rain
20. More people _____ fresh air if we use less water.
A. has B. have C. will have D. had
21. We will save a lot of trees if we _____ so much paper.
A. not waste B. don't waste C. doesn't waste D. aren't waste
22. Which country is the _____ in the world?
A. biggest B. big C. bigger D. the biggest
23. The teacher says Anna is one of the _____ students in the class.
A. tall B. taller C. tallest D. more tall
24. The _____ desert of all is the Sahara and it's in Africa.
A. hotter B. hottest C. hot D. hottest
25. I have _____ orange shirt too.
A. Ø B. a C. an D. the
26. A dolphin is _____ intelligent animal.
A. the B. a C. Ø D. an
27. My brother likes the blue pen, not _____ yellow one.

- A. a B. an C. the D. Ø
28. _____ bike in front of her house is nice.
- A. the B. an C. a D. Ø
29. Don't throw rubbish into the river because you will make it _____.
- A. greener B. dirty C. cleaner D. fresher
30. I _____ go to the party. I'm not sure.
- A. will B. won't C. might D. should
32. Bring your umbrella – it _____ rain later.
- A. can B. might C. must D. should
33. Hoa was worried that we _____ miss the train.
- A. can B. shall C. might D. should
34. In five years, some robots will be able to speak with human _____.
- A. life B. body C. way D. voice
35. If I _____ time, I _____ you with plating that tree .
- A. had - helped B. will have – will help
- C. have – don't help D. have – will help
36. If people _____ public transport, there will be less pollution.
- A. use B. used C. will use D. can use
37. A: "Your school is so green with lots of trees!"
- B: " _____ "
- A. That's a good idea. B. There are many trees here.
- C. Congratulations! D. Thank you. We're planting some more flowers.
38. A: 'The car of the future will probably run on water.'
- B: ' _____ '
- A. How fantastic! B. Good job! C. Good idea! D. Well done!
39. A: "Robots are helping us a lot in industry, education, and in our house..."
- B: ' _____ '. A robot is just a machine, I think.'
- A. I hope not. B. I agree with you. C. What about you? D. Do you agree with that.
40. "Let's go to Vung Tau at the weekend." - " _____ "
- A. That's a fine day. B. No, thanks. C. Yes, please! D. That's a good idea!

Exercise 4. Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

1. Robots won't take care of children.
- A. look up B. look at C. look for D. look after
2. When I came to Da Nang, I ate many local foods which are very delicious.
- A. national B. regional C. international D. provincial
3. Young people are interested in home robots.
- A. like B. don't like C. hate D. dislike

Exercise 5. Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to underlined part in each of the following sentences.

1. Linh passed the entrance examination to a very famous lower secondary school.
- A. failed B. taken C. done D. sit
2. Polluted water is harmful to people's health and kill fish.
- A. useful B. unsafe C. bad D. dangerous
3. A smart TV can help us send e-mails.
- A. order B. receive C. sell D. buy

Exercise 6. Read the following announcement and mark the letter A, B, C or D to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks.

AMAZING WORLD TOUR!

Have you ever dreamed of traveling around the world? Now your dream (1) _____ come true! Join our **Amazing World Tour** and explore (2) _____ cities, from Paris to Tokyo. You can enjoy breathtaking views, taste delicious food, and experience different cultures. Participants will also have a chance to win a free trip for two by joining our special quiz (3) _____ will test your knowledge about world cities. The reward is truly (4) _____. Don't miss out!

Sign up now and start your adventure!

- | | | | |
|-----------------------|-------------|----------------|-------------|
| 1. A. is | B. are | C. will | D. has |
| 2. A. the most famous | | B. most famous | |
| C. famous | | D. more famous | |
| 3. A. so | B. which | C. and | D. or |
| 4. A. beautiful | B. exciting | C. historic | D. valuable |

NEW SPORT EVENT!

We are excited to inform you about the upcoming **City Sports Festival!** This event will (1) _____ place at Greenfield Stadium next Saturday. Athletes from different schools will (2) _____ in various sports, (3) _____ football, basketball, and swimming. The prizes for the winners are (4) _____, so don't miss this amazing event!

- | | | | |
|---------------|-------------|--------------|------------|
| 1. A. take | B. takes | C. taking | D. taken |
| 2. A. compete | B. complete | C. compare | D. compass |
| 3. A. such as | B. so | C. but | D. or |
| 4. A. value | B. valuable | C. valueless | D. values |

Exercise 7. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

Recycling is very good for the environment. For example, we make paper (1) _____ trees. If we recycle old paper, we will (2) _____ many trees. Recycling uses less energy and helps control pollution. There are three steps for recycling: collecting, sorting (3) _____ processing. We can recycle a lot of things such as newspapers, magazines, books, cans, etc. Plastic is also a common recyclable product. We (4) _____ recycle plastic bottles, plastic bags and many (5) _____. We can recycle glass, too. Jars, broken pieces of glass and other glass products can be recycled. Put recycled bins around the house and in the neighbourhood, and we can have things to recycle.

- | | | | |
|-----------------|---------------|------------------|----------------|
| 1. A. from | B. to | C. on | D. in |
| 2. A. cut | B. get | C. save | D. have |
| 3. A. but | B. and | C. or | D. so |
| 4. A. might | B. might not | C. should not | D. must |
| 5. A. good item | B. other item | C. another items | D. other items |

Exercise 8. Choose the word or phrase among A, B, C or D that the best fits the blank space in the following passage.

Robots (1) _____ an important role in our life. They have changed people's lives in many ways. First of all, they (2) _____ time and human labor. Thanks to robots, we don't have to spend days and months (3) _____ repeated work. For example, to produce French fries, we need human (4) _____ potatoes, wash, then peel, cut them into pieces and finally fry them all. If we have robots to do the task, we will save a lot of time and produce more products. Secondly, robots help to replace human in dangerous work. Now we (5) _____ human to do such work as mining minerals. It's helpful because there have been lots of people lose their lives in such jobs. However, it's costly to buy a robot.

- | | | | |
|------------------|---------------|----------------|-------------|
| 1. A. play | B. plays | C. playing | D. to play |
| 2. A. have | B. save | C. make | D. give |
| 3. A. do | B. to do | C. doing | D. did |
| 4. A. to buy | B. buy | C. buying | D. buys |
| 5. A. won't need | B. don't need | C. didn't need | D. not need |

Exercise 9. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

My future house will be located on a wide lake. It will be quiet and peaceful. There will be wide roof to protect my house from the sun and rain. I will grow a lot of flowers around my house. Every morning, I will water them and arrange some flowers in my house. Inside my house, there will be a modern robot to make the house clean and tidy. There will be modern and convenient appliances, too. Maybe I might buy a boat to travel around. I will order food and drink online. They might deliver them by helicopters.

1. Where will the house located?

- A. on the moon B. in the sky C. on a lake D. in the field

2. What will protect the house from sun and rain?

- A. a wide garden B. a big robot C. a large energy D. a wide proof

3. Will there be any robots in the house?

- A. Yes, it is B. Yes, there will C. No, it isn't D. No, there won't

4. Why might the author buy a boat?

- A. to travel around B. to go fishing C. to sleep D. to buy food

5. How can he buy food and drink?

- A. by bike B. by boat C. at market D. online

Exercise 10. Read the following passage and mark the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

Technology will allow homes in the future to be "smart." Appliances will communicate with each other - and with you. Your stove, for example, will tell you when your food is cooked and ready to eat. Refrigerators will suggest recipes based on food items you already have.

Futurologists predict that many homes will have robots in the future. 92 Robots already do many things such as building cars and vacuuming floors. But scientists today are starting to build friendlier, more intelligent robots that will be able to show feelings with their faces, just like humans. These robots will do work around the house such as cooking and cleaning. They will even take care of children and the elderly.

How soon will this smart home be a reality? There's a good chance it will be a part of your life in 25 or 30 years, perhaps sooner.

1. What will make future houses smart?

- A. Technology B. Computers C. Humans D. Scientists

2. According to the passage, the fridge of the future will be able to _____.

- A. keep food fresher and lasting longer. B. tell you it's time to buy more food.
C. give instructions on how to cook something. D. look out for out-of-date food.

3. Robots nowadays are widely used in _____.

- A. house building B. car manufacturing
C. public transportation D. communications technology

4. Scientists are building robots that can _____.

- A. help take care of elderly people. B. do all household chores.
C. show feelings with their faces. D. all are correct.

5. Which of the followings is NOT mentioned in the passage?

- A. Homes will be smart in 25 or 30 years time.
B. Smart appliances will be able to communicate with you.
C. So far robots have already done many things.
D. Robots will soon be more intelligent than humans.

Exercise 11. Write the second sentence so that it has a similar meaning to the first one

1. Living on Mars sounds very exciting.

- A. It's very exciting to living on Mars.
B. It's very exciting to live on Mars.
C. It's very exciting living on Mars.
D. It's very excited to live on Mars.

2. Maybe Peter will come to the party tonight.

- A. Peter might come to the party tonight.
B. Peter might not come to the party tonight.
C. Peter might to come to the party tonight.
D. Peter might comes to the party tonight.

3. I'm not sure that Liz will come to the party.

- A. Liz might to come to the party.
B. Liz might not to come to the party.
C. Liz might coming to the party.
D. Liz might not come to the party.

4. You should save energy, or you won't save more money.

- A. If you save energy, you will to save more money.
- B. If you save energy, you won't more money.
- C. If you saves energy, you will save more money.
- D. If you save energy, you will save more money.

5. Peter fails his examination. His parents will be sad.

- A. If Henry fail his examination, his parents won't be sad.
- B. If Henry fails his examination, his parents will be sad.
- C. If Henry fail his examination, his parents will be sad.
- D. If Henry fails his examination, his parents won't be sad.

6. No one in my group is more beautiful than Linda.

- A. Linda is the most beautiful student.
- B. Linda is more beautiful student in my group.
- C. Linda is the most beautiful student in my group.
- D. Linda are the most beautiful student in my group.

7. No one in my class is taller than Lan.

- A. Lan is the tallest in my class.
- B. Lan are the tallest in my class.
- C. Lan is the most tall in my class.
- D. Lan is the taller in my class.

Exercise 12. Make sentences, using the words and phrases below

1. What/ you/ do/ tomorrow morning?

- A. What do you do tomorrow morning?
- B. What will you does tomorrow morning?
- C. What will you do tomorrow morning?
- D. What did you do tomorrow morning?

2. Ann/ go/ to the beach/ with/ friends/ tomorrow.

- A. Ann won't go to the beach with her friends tomorrow.
- B. Ann will go to the beach with her friends tomorrow.
- C. Ann went to the beach with her friends tomorrow.
- D. Ann will to go to the beach with her friends tomorrow.

3. Students / not go/ school/ in the future.

- A. Students won't go to school in the future.
- B. Students will go to school in the future.
- C. Students won't to go to school in the future.
- D. Students will to go to school in the future.

4. He/ might/ have/ smartphone/ surf/ internet.

- A. He might have a smartphone to surf the internet.
- B. He might has a smartphone surf the internet.
- C. He might have a smartphone surf the internet.
- D. He might has a smartphone to surf the internet.

5. Mira/ pass/ the exam/ if/ she/ study/ hard.

- A. Mira won't pass the exam if she studies hard.
- B. Mira will pass the exam if she study hard.
- C. Mira won't the exam if she study hard.
- D. Mira will pass the exam if she studies hard.

6. They/ not play/ tennis/ tomorrow/ if/ it/ rain.

- A. They will play tennis tomorrow if it rains.
- B. They won't play tennis tomorrow if it rains.
- C. They won't play tennis tomorrow if it rain.
- D. They won't play tennis tomorrow if it raining.

7. She/rich/woman/in Viet Nam.

- A. She is the rich woman in Viet Nam.
- B. She is the richest woman at Viet Nam.
- C. She is the richest woman in Viet Nam.
- D. She are the richest woman in Viet Nam.

Môn: KHTN 6

A. LÝ THUYẾT: Học sinh ôn các nội dung sau:

1. Chương VIII. Lực trong đời sống

- Lực là gì; Biểu diễn lực; Biến dạng lò xo; Trọng lực - lực hấp dẫn; Lực ma sát.

B. HÌNH THỨC KIỂM TRA: Kết hợp trắc nghiệm và tự luận (70% trắc nghiệm, 30% tự luận)

C. BÀI TẬP THAM KHẢO

Phần I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Khi một vận động viên bắt đầu đẩy quả tạ, vận động viên đã tác dụng vào quả tạ một

- A. lực đẩy. B. lực nén. C. lực kéo. D. lực uốn.

Câu 2. Hoạt động nào không cần dùng đến lực?

- A. Đọc một trang sách. B. Kéo một gàu nước,
C. Nâng một tấm gỗ. D. Đẩy một chiếc xe.

Câu 3. Một bạn chơi trò nhảy dây. Bạn đó nhảy lên được là do

- A. lực của chân đẩy bạn đó nhảy lên. B. lực của đất tác dụng lên chân bạn đó.
C. chân bạn đó tiếp xúc với đất. D. lực của đất tác dụng lên dây.

Câu 4. Treo vật vào đầu dưới của một lò xo, lò xo dãn ra. Khi đó

- A. lò xo tác dụng vào vật một lực đẩy. B. vật tác dụng vào lò xo một lực nén.
C. lò xo tác dụng vào vật một lực nén. D. vật tác dụng vào lò xo một lực kéo.

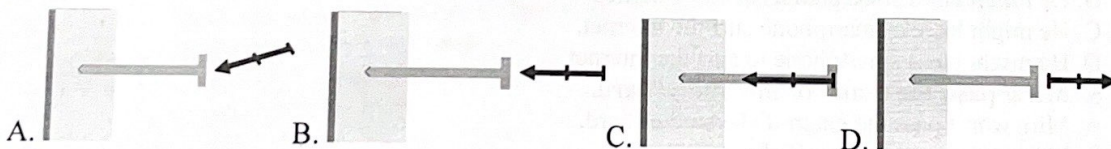
Câu 5. Khi có một lực tác dụng lên quả bóng đang chuyển động trên sân thì tốc độ của quả bóng sẽ

- A. không thay đổi. B. tăng dần.
C. giảm dần. D. tăng dần hoặc giảm dần.

Câu 6. Một em bé thả một quả bóng cao su xuống sàn nhà. Khi quả bóng chạm sàn nhà thì lực của sàn nhà tác dụng lên quả bóng

- A. chỉ làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.
B. chỉ làm cho quả bóng biến dạng.
C. vừa làm cho quả bóng biến dạng, vừa làm cho quả bóng biến đổi chuyển động.
D. không làm quả bóng biến dạng cũng không làm biến đổi chuyển động của quả bóng.

Câu 7. Hình nào biểu diễn đúng lực do búa đóng đinh vào tường với tỉ xích 0,5 cm ứng với 10 N?



Câu 8. Quan sát hình sau và hoàn thành câu:

Người công nhân tác dụng lực.....vào cái xe.

- A. nén
B. kéo
C. nâng
D. đẩy



Câu 9. Lực nào giúp ta bê một thùng hàng mà không bị trượt khỏi tay?

- A. Lực ma sát nghỉ.
- B. Lực ma sát trượt.
- C. Lực ma sát lăn.
- D. Lực hút của trái đất.

Câu 10. Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới treo quả nặng 100g thì độ biến dạng của lò xo là 0,5cm. Để độ biến dạng của lò xo là 2cm thì cần treo vật nặng có khối lượng là

- A. 200g
- B. 300g
- C. 400g
- D. 500g

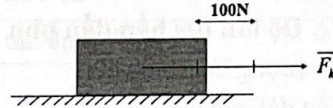
Câu 11. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực tiếp xúc?

- A. Hai thanh nam châm hút nhau.
- B. Hai thanh nam châm đẩy nhau.
- C. Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.
- D. Mẹ em ấn nút công tắc bật đèn.

Câu 12. Một vật đang chuyển động dưới tác dụng của lực kéo F_k như hình vẽ.

Lực kéo đó có đặc điểm là

- A. điểm đặt ở vật, phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải và độ lớn là 300N.
- B. điểm đặt ở vật, phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái và độ lớn là 300N.
- C. điểm đặt ở vật, phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải và độ lớn là 100N.
- D. điểm đặt ở vật, phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái và độ lớn là 100N.



Câu 13. Lò xo không bị biến dạng khi

- A. dùng tay kéo dãn lò xo.
- B. dùng tay ép chặt lò xo.
- C. kéo dãn lò xo hoặc ép chặt lò xo.
- D. dùng tay nâng lò xo lên.

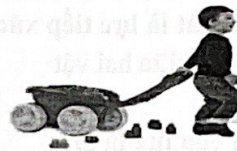
Câu 14. Em sẽ chọn dụng cụ nào để đo lực?

- A. Lực kế.
- B. Bình chia độ.
- C. Thước cặp.
- D. Cân đồng hồ.

Câu 15. Quan sát hình sau và hoàn thành câu:

Em bé tác dụng lực.....vào cái xe.

- A. nén
- B. kéo
- C. nâng
- D. đẩy



Câu 16. Lực ma sát nghỉ xuất hiện khi:

- A. ô tô đang chuyển động, đột ngột hãm phanh.
- B. quả bóng đang lăn trên sân.
- C. Đẩy chiếc tủ bằng một lực nhưng nó vẫn không chuyển động.
- D. xe đạp đang xuống dốc.

Câu 17. Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới treo quả nặng 100 g thì độ biến dạng của lò xo là 0,5cm. Để độ biến dạng của lò xo là 1,5cm thì cần treo vật nặng có khối lượng là:

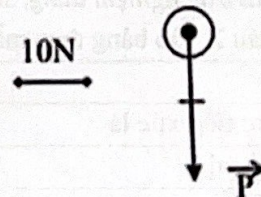
- A. 200g
- B. 300g
- C. 400g
- D. 500g

Câu 18. Trong các trường hợp sau đây, trường hợp nào xuất hiện lực không tiếp xúc?

- A. Em bé đẩy cho chiếc xe đồ chơi rơi xuống đất.
- B. Gió thổi làm thuyền chuyển động.
- C. Cầu thủ đá quả bóng bay vào gôn.
- D. Quả táo rơi từ trên cây xuống.

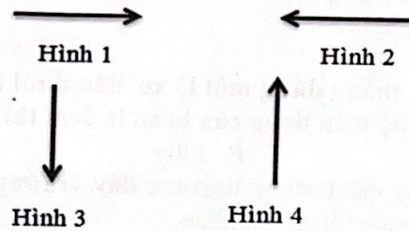
Câu 19. Câu nào mô tả đầy đủ các yếu tố trọng lực của vật?

- A. Điểm đặt trên vật, chiều thẳng đứng, độ lớn 20N.
- B. Điểm đặt trên vật, hướng thẳng đứng, độ lớn 20N.
- C. Điểm đặt trên vật, phương từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.
- D. Điểm đặt trên vật, phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, độ lớn 20N.



Câu 20: Các lực vẽ trong một mặt phẳng dưới đây, lực nào có thể là lực hút của Trái Đất?

- A. Hình 1
- B. Hình 2
- C. Hình 3
- D. Hình 4



Câu 21: Dụng cụ nào là dụng cụ đo độ lớn của lực?

- A. Áp kế.
- B. Vôn kế.
- C. Ampe kế.
- D. Lực kế.

Câu 22: Độ lớn lực hấp dẫn phụ thuộc vào yếu tố nào?

- A. Khối lượng của các vật
- B. Chiều dài của vật
- C. Kích thước của các vật
- D. Chiều cao của vật

Câu 23: Mặt lốp ô tô, xe máy, xe đạp có khía rãnh để làm gì?

- A. Tăng ma sát
- B. Giảm ma sát
- C. Tăng quán tính
- D. Giảm quán tính

Câu 24: Công thức biểu diễn mối liên hệ giữa trọng lượng và khối lượng của vật là gì?

- A. $P = 5.m$
- B. $P = 10.m$
- C. $P = 15.m$
- D. $P = 5,5.m$

Câu 25: Lực ma sát trượt là gì?

- A. Lực xuất hiện khi vật lăn trên bề mặt của người khác
- B. Lực giữ cho vật đứng yên ngay cả khi nó bị kéo hoặc đẩy
- C. Lực xuất hiện khi vật trượt trên bề mặt của vật khác
- D. Lực xuất hiện khi vật lăn, trượt, hoặc đứng yên trên bề mặt của vật khác

Câu 26: Lực ma sát là lực tiếp xúc xuất hiện ở đâu?

- A. Bề mặt tiếp xúc giữa hai vật
- B. Vật tác dụng lực
- C. Vật chịu tác dụng lực
- D. Vật không tiếp xúc với nhau.

Câu 27: Đơn vị của lực là gì?

- A. N
- B. kg
- C. m
- D. Phút

Câu 28: Biến dạng của vật nào dưới đây không phải là biến dạng đàn hồi?

- A. Lò xo trong chiếc bĩ bị nén lại
- B. Que nhôm bị uốn cong
- C. Dây cao su được kéo căng ra
- D. Quả bóng cao su đập vào tường

Câu 29: Lực ma sát nghỉ xuất hiện ở đâu?

- A. Quyển sách để yên trên mặt bàn nằm nghiêng
- B. Ô tô đang chuyển động, đột ngột hãm phanh
- C. Quả bóng bàn đang lăn trên mặt bàn nằm ngang
- D. Xe đạp đang xuống dốc

Câu 30: Khi treo một vật thẳng đứng vào lực kế, ta thấy số chỉ của lực kế là 280N. Khối lượng của vật đó là bao nhiêu?

- A. 28kg
- B. 280g
- C. 280kg
- D. 2,8kg

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng, sai. Em hãy cho biết những phát biểu dưới đây đúng hay sai bằng cách đánh dấu X vào bảng theo mẫu sau:

Phát biểu	Đúng	Sai
Câu 1. Lực tiếp xúc là		
a. Giọt mưa rơi		
b. Lực chân cầu thủ đá vào quả bóng		

c. Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời		
d. Lực đẩy xe lên dốc.		
Câu 2. Lực không tiếp xúc là		
a. vận động viên đang nâng tạ		
b. tay bật công tắc điện;		
c. thủ môn bắt bóng		
Câu 3. Lực có tác dụng		
a. chỉ có thể làm thay đổi hướng chuyển động của vật, không làm thay đổi tốc độ của vật.		
b. làm một vật đang đứng yên có thể chuyển động khi có lực tác dụng lên nó.		

Phần III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn

Câu 1. Trọng lực là của Trái Đất tác dụng lên mọi vật và luôn hướng về tâm Trái Đất.

Câu 2. Trọng lượng của vật là 260N thì khối lượng của vật là

Câu 3. Lực đàn hồi của lò xo phụ thuộc vào của lò xo.

Câu 4. Lực giữa chân và sàn giúp ta không bị trượt ngã khi đi bộ

Câu 5. Khối lượng của vật là số đo của vật

Câu 6. Đơn vị đo trọng lượng là Đơn vị đo khối lượng là

Phần IV. Tự luận.

Câu 1. Hãy giải thích hiện tượng sau và cho biết trong các hiện tượng này lực ma sát có ích hay có hại?

- Phải bôi nhớt thông vào dây cung ở cần kéo nhị
- Khi đi trên sàn gỗ, sàn đá hoa mới lau dễ bị ngã
- Ô tô đi vào bùn dễ bị sa lầy.
- giày dép bị mòn đế.

Câu 2. Giải thích ý nghĩa của câu nói "Nước chảy đá mòn" và chỉ ra bản chất lực tác dụng giữa nước và đá để làm mòn đá

Câu 3. Treo quả nặng 5000g vào một lò xo. Chiều dài ban đầu của lò xo là 10cm

- Biểu diễn trọng lực của quả nặng (tỉ xích 1cm ứng với 10N)
- Tính độ giãn của lò xo, biết rằng khi treo quả nặng vào thì độ dài của lò xo là 13cm
- Khi treo tất cả 3 quả nặng đều có khối lượng như trên, thì chiều dài của lò xo lúc đó là bao nhiêu?

MÔN TOÁN 6

A. PHẠM VI KIẾN THỨC

- Phân số với tử và mẫu là số nguyên; so sánh các phân số; hỗn số dương.
- Phép cộng, phép trừ, nhân, chia phân số.
- Phép cộng, phép trừ, nhân, chia phân số.
- Ước lượng và làm tròn số.
- Tỉ số, tỉ số phần trăm.
- Tia

B. MỘT SỐ BÀI TẬP THAM KHẢO

I. Trắc nghiệm

Câu 1. Kết quả rút gọn phân số $\frac{20}{140}$ đến tối giản là :

- A. $\frac{10}{70}$ B. $\frac{4}{28}$ C. $\frac{2}{14}$ D. $\frac{1}{7}$

Câu 2. Khi đổi hỗn số $-2\frac{3}{7}$ thành phân số ta được kết quả:

- A. $-\frac{11}{7}$ B. $-\frac{6}{7}$ C. $-\frac{13}{7}$ D. $-\frac{17}{7}$

Câu 3. Số nghịch đảo của $\frac{-1}{12}$ là:

- A. $\frac{1}{12}$ B. 12 C. $\frac{12}{1}$ D. -12

Câu 4. Kết quả so sánh ba số $\frac{2}{3}$; $\frac{-3}{4}$ và 0 là:

- A. $\frac{2}{3} > \frac{-3}{4} > 0$ B. $\frac{2}{3} > 0 > \frac{-3}{4}$ C. $0 > \frac{2}{3} > \frac{-3}{4}$ D. $0 > \frac{-3}{4} > \frac{2}{3}$

Câu 5. Số đối của $\frac{3}{2}$ là :

- A. $\frac{2}{3}$ B. $-\frac{2}{3}$ C. $-\frac{3}{2}$ D. $\frac{3}{2}$

Câu 6. Kết quả của phép tính $\frac{1}{3} + \frac{7}{5}$ là:

- A. $\frac{8}{8} = 1$ B. $\frac{26}{15}$ C. $\frac{15}{26}$ D. $\frac{7}{8}$

Câu 7. Kết quả của phép tính $1\frac{1}{6} - 3\frac{1}{3}$ là:

- A. $-2\frac{1}{3}$ B. $2\frac{1}{3}$ C. $2\frac{1}{6}$ D. $-2\frac{1}{6}$

Câu 8. Kết quả của phép tính $\frac{-5}{9} : \frac{-2}{3}$ là:

- A. $\frac{10}{17}$ B. $\frac{6}{5}$ C. $\frac{5}{6}$ D. $-\frac{5}{6}$

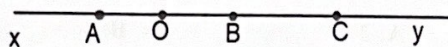
Câu 18. Cho hình vẽ, tia đối của tia OA là

A. tia Ax.

B. tia AO.

C. tia By.

D. tia OB, tia OC, tia Oy.



Câu 19. Cho $AB = 6$ cm. Điểm K nằm giữa A và B, biết $KA = 4$ cm. Độ dài đoạn thẳng KB là:

A. 10 cm

B. 6 cm

C. 4 cm

D. 2 cm.

Câu 20. Cho điểm A là trung điểm của đoạn thẳng CD. Biết $CA = 4,5$ cm. Độ dài đoạn thẳng CD là:

A. 4,5 cm

B. 8 cm

C. 9 cm

D. 18 cm.

II. Tự luận

Bài 1: Thực hiện phép tính (tính nhanh nếu có thể)

a, $\frac{3}{2} + \left(6 - \frac{3}{2}\right)$

b, $\frac{-3}{5} \cdot \frac{2}{7} + \frac{-3}{5} \cdot \frac{5}{7} + 2\frac{3}{5}$

c, $\frac{31}{17} + \frac{-5}{13} + \frac{-8}{13} - \frac{14}{17}$

d, $75\% + \left(1,25 + 2\frac{3}{4}\right) : \frac{3}{2}$

e, $4\frac{6}{7} - \left(1\frac{5}{13} - 3\frac{6}{7}\right) + 3\frac{5}{13}$

f, $\frac{-5}{12} \cdot \frac{4}{19} + \frac{-7}{12} \cdot \frac{4}{19} - \frac{40}{57}$

g, $\frac{2}{5} \cdot \frac{1}{3} - \frac{2}{15} : \frac{1}{5} + \frac{3}{5} \cdot \frac{1}{3}$

h, $\frac{-7}{12} \cdot 1\frac{3}{8} - 4\frac{5}{8} : \frac{7}{12} + \frac{1}{2}$

Bài 2. Tìm x, biết:

a) $x : 3\frac{1}{5} = 1\frac{1}{2}$

b) $5\frac{2}{7} : x = 0,2$

c) $2\frac{2}{9} - \frac{3}{2}x = \frac{1}{2}$

d) $\frac{3}{4} - \frac{2}{15}x = \frac{29}{60}$

e) $\frac{3}{4} + \frac{2}{3}x = \frac{5}{6}$

f) $(2,8x - 32) : \frac{2}{3} = -30$

Bài 3. Để trộn vữa xây nhà, người ta trộn xi măng với cát theo tỉ lệ 1 : 4. Hãy tính tỉ số phần trăm giữa xi măng và cát.

Bài 4. Mức lương tối thiểu vùng I theo quy định ở các năm 2017 và 2018 như sau:

Năm 2017	3750000
Năm 2018	3980000

Tính phần trăm tối thiểu vùng I năm 2018 tăng so với năm 2017

Bài 5. Lớp 6N1 có 40 học sinh. Biết tổng số học sinh giỏi và khá là 35 học sinh, tổng số học sinh trung bình và giỏi là 15 học sinh và lớp 6N1 chỉ có ba xếp loại học lực như trên. Tính tỉ số phần trăm của số học sinh giỏi, khá, trung bình so với số học sinh cả lớp.

Bài 6. Tại một cửa hàng Điện Máy Xanh, một chiếc Ti vi có giá niêm yết là 11500000 đồng. Nhân dịp ngày lễ 1/5, cửa hàng giảm giá nên chiếc ti vi đó còn 8625000 đồng. Hỏi cửa hàng đã giảm giá bao nhiêu phần trăm cho chiếc ti vi đó?

Bài 7. Một người gửi tiết kiệm 20 triệu đồng, tính ra mỗi tháng lãi được 112000 đồng. Hỏi người ấy đã gửi tiết kiệm với lãi suất là bao nhiêu phần trăm một tháng?

Bài 8. Cho điểm M nằm giữa hai điểm A và B .

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB biết $AM = 3$ cm; $MB = 4$ cm ;

b) Tính độ dài đoạn thẳng AM biết $AB = 8$ cm; $MB = 3$ cm .

Bài 9. Cho điểm A thuộc tia Ox sao cho $OA = 4,5$ cm. Trên tia đối của tia Ox lấy điểm B sao cho $OB = 3$ cm.

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB ;

b) Lấy điểm C nằm giữa hai điểm O và A sao cho $AC = 1,5$ cm. Tính độ dài đoạn thẳng OC, BC . Điểm O có là trung điểm của BC không?

Bài 10. Cho M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 6 cm. Trên tia AM lấy điểm N sao cho $MN = 2$ cm. trên tia đối của tia MA lấy điểm P sao cho $MP = 1$ cm. Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng NP không? Tại sao?

Bài 11. Cho điểm M nằm giữa hai điểm A và B .

a) Tính độ dài đoạn thẳng AB biết $AM = 2MB$ và $MB = 2$ cm ;

b) Tính độ dài đoạn thẳng AM ; BM biết $AB = 8$ cm; $AM - MB = 4$ cm .

Bài 12. Tính

$$a/ A = \frac{1}{1.2} + \frac{1}{2.3} + \frac{1}{3.4} + \dots + \frac{1}{998.999} + \frac{1}{999.1000}$$

$$b/ B = \frac{1}{1.6} + \frac{1}{6.11} + \frac{1}{11.16} + \dots + \frac{1}{495.500}$$

MÔN: CÔNG NGHỆ 6

A. LÝ THUYẾT

HS ôn lại các kiến thức cơ bản của 4 bài:

Bài 10. Khái quát về đồ dùng điện trong gia đình

Bài 11. Đèn điện

Bài 12. Nồi cơm điện

Bài 13. Bếp hồng ngoại

B. BÀI TẬP

I. Trắc nghiệm

1. Trắc nghiệm khách quan

Câu 1: Khi hoạt động nồi cơm điện biến điện năng thành:

- A. nhiệt năng B. cơ năng C. quang năng D. vi sóng

Câu 2: Đèn điện có công dụng:

- A. làm sạch bụi bẩn B. để chiếu sáng
C. chế biến thực phẩm D. bảo quản thực phẩm

Câu 3: Bộ phận nào của bếp hồng ngoại cung cấp nhiệt cho bếp?

- A. Mâm nhiệt hồng ngoại B. Thân bếp
C. Bảng điều khiển D. Mặt bếp

Câu 4: Điện năng biến đổi thành quang năng ở bộ phận nào của đèn sợi đốt?

- A. Sợi đốt B. Đuôi đèn
C. Bóng thủy tinh D. Hai điện cực

Câu 5: Bếp hồng ngoại thuộc nhóm đồ dùng điện:

- A. biến điện năng thành quang năng B. biến điện năng thành nhiệt năng
C. biến điện năng thành cơ năng D. biến điện năng thành hóa năng

Câu 6: Một số bóng đèn thông dụng là

- A. Đèn sợi đốt, đèn huỳnh quang, đèn compac.
B. Đèn sợi đốt, đèn LED, đèn compac.
C. Đèn sợi đốt, đèn compac; đèn huỳnh quang, đèn LED
D. Đèn sợi đốt, đèn huỳnh quang, đèn LED.

Câu 7: Đồ dùng nào sau đây **không phải** là đồ dùng điện trong gia đình?

- A. Máy xay sinh tố B. Xe đạp C. Máy sấy D. Bàn là

Câu 8: Công dụng của đèn điện là

- A. chiếu sáng, trang trí. B. chiếu sáng, sưởi ấm.
C. chiếu sáng, trang trí, sưởi ấm. D. Trang trí, sưởi ấm.

Câu 9: Điều chỉnh tăng giảm nhiệt độ ở bộ phận nào của bếp hồng ngoại?

- A. Mặt bếp B. Bảng điều khiển
C. Thân bếp D. Mâm nhiệt hồng ngoại

Câu 10: Thông số kĩ thuật của bếp hồng ngoại gồm:

- A. điện áp định mức, công suất định mức B. điện áp định mức, dung tích
C. công suất định mức, dung tích D. điện áp định mức, cường độ dòng điện.

Câu 11: Bộ phận nào của nồi cơm điện có thể được phủ một lớp chống dính?

- A. Thân nồi B. Nắp nồi
C. Bộ phận điều khiển D. Nồi nấu

Câu 12: “Xây dựng, thiết kế, thử nghiệm, giám sát và phát triển các hệ thống điện” là công việc của ai?

- A. Kỹ sư cầu đường B. Kỹ sư điện
C. thợ điện D. Kỹ sư xây dựng

Câu 13: Nhà bác học người Mỹ Thomas Edison đã phát minh ra đèn sợi đốt đầu tiên vào năm nào?

- A. 1789 B. 1879 C. 1978 D. 1939

Câu 14: Trong quá trình sử dụng, mặt bếp hồng ngoại có màu gì?

- A. Màu vàng B. Màu đỏ C. Màu cam D. Màu tím

Câu 15: Bóng thủy tinh của đèn sợi đốt có tác dụng gì?

- A. Biến điện năng thành nhiệt năng để phát sáng
C. Để lắp ráp vào đuôi đèn

- B. Chứa khí trơ để bảo vệ sợi đốt
D. Cung cấp điện cho sợi đốt

Câu 16: Chức năng của thân nồi trong nồi cơm điện là gì?

- A. Bao kín và giữ nhiệt
B. Bao kín, giữ nhiệt và liên kết các bộ phận khác của nồi
C. Cung cấp nhiệt cho nồi
D. Dùng để bật, tắt, chọn chế độ nấu

Câu 17: Sải cánh là thông số kĩ thuật của:

- A. máy sấy tóc
C. điều hòa không khí
B. máy hút bụi
D. quạt điện

Câu 18: Bộ phận nào của nồi cơm điện có thể được phủ một lớp chống dính?

- A. Nồi nấu
B. Nắp nồi
C. Thân nồi
D. Bộ phận điều khiển

Câu 19: Nồi cơm điện gồm các bộ phận chính sau

- A. Mặt bếp, bảng điều khiển, mâm nhiệt hồng ngoại.
B. Nắp nồi, thân nồi, nồi nấu, bảng điều khiển, bộ phận điều khiển.
C. Mặt bếp, bộ phận sinh nhiệt, thân bếp, mâm nhiệt hồng ngoại.
D. Nắp nồi, thân nồi, nồi nấu, bộ phận sinh nhiệt, bộ phận điều khiển

Câu 20: Trên bếp điện hồng ngoại có ghi: 220V/ 2000W. Em hãy cho biết ý nghĩa của số liệu 2000W?

- A. Cường độ dòng điện.
C. Điện áp định mức.
B. Công suất định mức.
D. Điện tích mặt bếp.

2. Câu trắc nghiệm đúng sai

Trong mỗi ý a), b), c), d) ở câu 1, câu 2 học sinh chỉ trả lời đúng hoặc sai và ghi chữ "Đ" hoặc "S" đó vào bài làm.

Câu 21. Khi nói về nồi cơm điện bạn An đã đưa ra một số phát biểu sau. Em hãy cho biết đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai?
a) Nồi cơm điện thông thường có hai chế độ nấu và giữ ấm.
b) Nồi cơm điện dùng vi sóng để nấu chín cơm
c) Nồi cơm điện sẽ nhanh hỏng nếu sử dụng không đúng chức năng do nhà sản xuất quy định.
d) Nồi cơm điện sẽ hoạt động bình thường khi sử dụng đúng điện áp định mức.

Câu 22. Khi lựa chọn đồ dùng điện trong gia đình An đưa ra các phát biểu sau. Em hãy cho biết đâu là phát biểu đúng, đâu là phát biểu sai?
a) Lựa chọn loại có thông số kỹ thuật và tính năng nhỏ hơn nhu cầu sử dụng.
b) Lựa chọn loại có khả năng tiết kiệm điện
c) Lựa chọn các thương hiệu và cửa hàng có uy tín.
d) Lựa chọn loại có giá cao.

II. Tự luận

Câu 1:

- a) Nêu cấu tạo và nguyên lý làm việc của đèn sợi đốt?
b) Nếu chọn đèn chiếu sáng để học ở bàn em sẽ chọn loại đèn gì? Vì sao?

Câu 2:

Em hãy đề xuất một số biện pháp (việc làm) cụ thể để tiết kiệm điện năng cho gia đình mình.

Câu 3:

- a) Em hãy kể tên các bộ phận chính của bóng đèn huỳnh quang?
b) Trên bóng đèn huỳnh quang có ghi 220V/36W, em hãy giải thích ý nghĩa các số liệu đó?

MÔN: Tin học 6

A. Phạm vi ôn tập

1. Nội dung kiến thức:

* Chủ đề 5: Ứng dụng tin học.

Bài 12: Trình bày thông tin ở dạng bảng.

Bài 13: Thực hành tìm kiếm và thay thế

* Chủ đề 6: Giải quyết vấn đề với sự trợ giúp của máy tính

Bài 15: Thuật toán

Bài 16: Các cấu trúc điều khiển

2. Các dạng câu hỏi:

- Câu hỏi trắc nghiệm khách quan

- Câu hỏi tự luận

B. Cấu trúc đề kiểm tra

I. Trắc nghiệm: Gồm 20 câu hỏi TN chọn ¼ đáp án đúng (mỗi câu 0,25 điểm) + 2 câu TN đúng/sai (2 điểm)

II. Tự luận: Gồm 2 câu hỏi và bài tập tự luận

C. Một số câu hỏi tham khảo

I. Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng là

A. dễ so sánh

B. dễ in ra giấy

C. dễ học hỏi

D. dễ di chuyển

Câu 2: Cách di chuyển con trỏ soạn thảo trong bảng là

A. chỉ sử dụng các phím mũi tên trên bàn phím.

B. chỉ sử dụng chuột.

C. sử dụng thanh cuộn ngang, dọc.

D. có thể sử dụng chuột, phím Tab hoặc các phím mũi tên trên bàn phím.

Câu 3: Độ rộng của cột và hàng sau khi được tạo

A. luôn luôn bằng nhau

B. không thể thay đổi

C. có thể thay đổi

D. có thể bằng nhau nhưng không thể thay đổi

Câu 4: Nếu muốn tạo bảng nhiều cột, hàng hơn ta thực hiện như thế nào?

A. Insert -> Table -> Quick Tables

C. Insert -> Table -> Drawtable

B. Insert -> Table -> Insert Table

D. Insert -> Table -> Excel Spreadsheet

Câu 5: Muốn xóa bảng, sau khi chọn cả bảng, em nhấn chuột phải vào ô bất kì trong bảng rồi chọn lệnh nào?

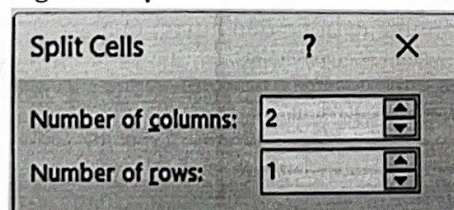
A. Delete Rows

B. Delete Table

C. Delete Columns

D. Delete Cells

Câu 6: Bạn Lan đã nhập số hàng và số cột như hình bên dưới để tách một ô thành nhiều ô



A. 2 cột, 2 hàng

B. 1 cột, 2 hàng

C. 1 cột, 1 hàng

D. 2 cột, 1 hàng

Câu 7: Sử dụng lệnh Insert/Table rồi dùng chuột kéo thả để chọn số hàng và số cột thì số cột, số hàng tối đa có thể tạo được là

A. 10 cột, 10 hàng

B. 10 cột, 8 hàng

C. 8 hàng, 8 cột

D. 8 cột, 10 hàng

Câu 8: Lệnh Find được sử dụng khi nào?

A. Khi muốn định dạng chữ in nghiêng cho một đoạn văn bản

B. Khi muốn tìm kiếm một từ hoặc cụm từ trong văn bản

C. Khi muốn thay thế một từ hoặc cụm từ trong văn bản

D. Khi cần thay đổi phong chữ của văn bản

Câu 9: Bạn An đang viết về đặc sản cốm Làng Vòng để giới thiệu Ẩm thực Hà Nội cho các bạn ở Tuyên Quang. Tuy nhiên, bạn muốn sửa lại văn bản, thay thế tất cả các từ “món ngon” bằng từ “đặc sản”. Bạn sẽ sử dụng lệnh nào trong hộp thoại “Find and Replace”

A. Replace All

B. Replace

C. Find Next

D. Cancel

Câu 10: Khi sử dụng hộp thoại “Find and Replace”, nếu tìm được một từ mà chúng ta không muốn thay thế, chúng ta có thể bỏ qua từ đó bằng cách chọn lệnh nào?

A. Replace All

B. Replace

C. Find Next

D. Cancel

Câu 11: Sơ đồ khối của thuật toán là gì?

A. Một sơ đồ gồm các hình khối, mũi tên chỉ hướng thực hiện từng bước của thuật toán

B. Một ngôn ngữ lập trình bậc cao

C. Cách thức mô tả bài toán bằng ngôn ngữ tự nhiên

D. Một biểu đồ hình cột

Câu 12: Thuật toán là gì?

A. Các mô hình và xu hướng được sử dụng để giải quyết vấn đề

B. Một dãy các chỉ dẫn từng bước để giải quyết vấn đề

C. Một ngôn ngữ lập trình bậc cao

D. Một thiết bị phần cứng lưu trữ dữ liệu

Câu 13: Thuật toán có thể được mô tả bằng

A. ngôn ngữ viết

B. ngôn ngữ kí hiệu

C. ngôn ngữ logic toán học

D. ngôn ngữ tự nhiên và sơ đồ khối

Câu 14: Trong thuật toán, biểu tượng hình elip (oval) dưới đây có nghĩa là?

A. Bắt đầu hoặc Kết thúc

B. Đầu vào hoặc Đầu ra

C. Bước xử lí

D. Chỉ hướng thực hiện tiếp theo

Câu 15: Trong thuật toán, biểu tượng hình bình hành có nghĩa gì?

A. Bắt đầu hoặc Kết thúc

B. Chỉ hướng thực hiện tiếp theo

C. Bước xử lí

D. Đầu vào hoặc Đầu ra

Câu 16 : Đầu là một thuật toán?

A. Một bản nhạc hay

B. Một bức tranh đầy màu sắc

C. Một bản hướng dẫn các bước làm bánh flan

D. Một bài thơ lục bát

Câu 17: Mục đích của sơ đồ khối là gì?

A. Để mô tả chi tiết một chương trình.

B. Để mô tả các chỉ dẫn cho máy tính “hiểu” về thuật toán.

C. Để mô tả các chỉ dẫn cho con người hiểu về thuật toán.

D. Để chỉ dẫn cho máy tính thực hiện thuật toán.

Câu 18: “Thuật toán tìm số lớn hơn trong hai số a, b”. Đầu ra là

A. hai số a, b

C. số bé hơn

B. số lớn hơn

D. số bằng nhau

Câu 19: Bạn Tuấn nghĩ về những công việc sẽ thực hiện sau khi thức dậy vào buổi sáng. Bạn ấy viết một thuật toán bằng cách ghi ra từng bước, từng bước một. Bước đầu tiên bạn ấy viết ra là: "Thức dậy". Em hãy cho biết bước tiếp theo là gì?

- A. Đánh răng
- B. Thay quần áo
- C. Đi tắm
- D. Ra khỏi giường

Câu 20: Cấu trúc rẽ nhánh có mấy loại?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

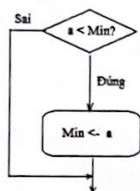
Câu 21: Ba cấu trúc điều khiển cơ bản để mô tả thuật toán là gì?

- A. Tuần tự, rẽ nhánh và lặp.
- B. Tuần tự, rẽ nhánh và gán.
- C. Rẽ nhánh, lặp và gán.
- D. Tuần tự, lặp và gán.

Câu 22: Cấu trúc tuần tự là gì?

- A. Là cấu trúc xác định thứ tự dữ liệu được lưu trữ.
- B. Là cấu trúc xác định thứ tự các bước được thực hiện.
- C. Là cấu trúc lựa chọn bước thực hiện tiếp theo.
- D. Là cấu trúc xác định số lần lặp lại một số bước của thuật toán

Câu 23: Sơ đồ dưới đây là sơ đồ khối biểu diễn cấu trúc gì?



- A. Tuần tự
- B. Rẽ nhanh dạng thiếu
- C. Rẽ nhánh đầy đủ
- D. Lặp

Câu 24: "Nếu trời không mưa thì em đi đá bóng" có chứa cấu trúc nào?

- A. Cấu trúc tuần tự
- B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu
- C. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ
- D. Cấu trúc lặp

Câu 25: Trong cấu trúc lặp bao giờ cũng có

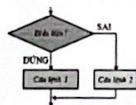
- A. khâu đặt điều kiện rẽ nhánh
- B. khâu kiểm tra điều kiện kết thúc quá trình lặp
- C. khâu kết thúc tuần tự
- D. khâu kiểm tra điều kiện rẽ nhánh

Câu 26: Công việc không hoạt động theo cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ là

- A. nếu trời mưa em sẽ ở nhà đọc truyện, ngược lại em sẽ đi đá bóng
- B. nếu một số chia hết cho 2 thì nó là số chẵn, ngược lại là số lẻ
- C. nếu mai trời vẫn mưa, đường vẫn ngập nước, em được nghỉ học ở nhà
- D. nếu cuối tuần trời không mưa cả nhà em sẽ đi picnic, ngược lại cả nhà sẽ ở nhà xem phim

Câu 27: Sơ đồ khối thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

- A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ.
- B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu.
- C. Cấu trúc lặp.
- D. Cấu trúc tuần tự.



Câu 28: Đoạn văn bản mô tả công việc sau: "Em hãy cho rau vào chậu, xả nước ngập rau. Sau đó e dùng tay đảo rau trong chậu. Cuối cùng em vớt rau ra rổ và đổ hết nước trong chậu đi."

Đoạn văn bản trên thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

- A. Cấu trúc tuần tự
- B. Cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu
- C. Cấu trúc lặp
- D. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ

Câu 29: Câu: "Nếu bạn Hoa ốm phải nghỉ học, em sẽ chép bài giúp bạn" thể hiện cấu trúc điều khiển nào?

- A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu

- C. Cấu trúc lặp
- D. Cấu trúc tuần tự

Câu 30: Bạn Hải đã viết một chương trình điều khiển chú mèo di chuyển liên tục trên sân khấu cho đến khi chạm phải chú chó. Bạn Hải nên dùng loại cấu trúc điều khiển nào để thực hiện yêu cầu di chuyển liên tục của chú mèo?

- A. Cấu trúc rẽ nhánh dạng đủ
- B. cấu trúc rẽ nhánh dạng thiếu

- C. Cấu trúc lặp
- D. Cấu trúc tuần tự

Trắc nghiệm đúng – sai: với mỗi đáp án A, B, C, D em chọn đúng hoặc sai

Câu 31: Minh muốn lập trình một trò chơi, trong đó nhân vật di chuyển theo các bước nhất định. Minh cần sử dụng phần mềm nào để thực hiện được việc này?

- A. Một phần mềm soạn thảo văn bản
- B. Một phần mềm trình chiếu
- C. Ngôn ngữ lập trình kéo thả
- D. Một ngôn ngữ lập trình trực quan

Câu 32: An muốn lập trình vẽ và tô màu lá cờ đỏ sao vàng? Theo em, An nên sử dụng những cấu trúc nào?

- A. Cấu trúc điều khiển
- B. Chỉ cần dùng cấu trúc rẽ nhánh
- C. Chỉ cần dùng cấu trúc lặp
- D. Không cần dùng cấu trúc điều khiển chỉ sử dụng các khối lệnh di chuyển

Câu 33: Hà đang muốn tìm và sửa lỗi sai cho bản thảo của mình trên Word. Em hãy tư vấn cho Hà các cách để xử lý được vấn đề trên?

- A. Nhấn tổ hợp phím Ctrl+ H, chọn tiếp thẻ Find
- B. Vào Insert chọn Find
- C. Vào Home chọn Find
- D. Vào Layout chọn Find

II. Câu hỏi tự luận

Câu 1: Thuật toán là gì? Trình bày các thành phần chính của thuật toán?

Câu 2: Để mô tả thuật toán em sử dụng những cấu trúc nào?

Câu 3: Bản tin sau đây nói về kết quả thực hiện phong trào đọc sách của học sinh khối 6.

Bản tin “Phong trào đọc sách”

Trong những năm gần đây, số học sinh khối 6 của nhà trường yêu thích đọc sách đã tăng lên rõ rệt. kết quả khảo sát năm 2019 cho thấy, số học sinh yêu thích đọc sách là 140 em, chiếm 58%. Số liệu này của các năm 2020 và 2021 lần lượt là 148 em (chiếm 62%) và 188 em (chiếm 78%). Phong trào đọc sách đang ngày càng được nhiều học sinh tích cực hưởng ứng.

Em hãy tạo một bảng để trình bày cô đọng nội dung của bản tin trên.